

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HUỶNH THỊ THU THƯƠNG

**QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT
TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HUỲNH THỊ THU THƯƠNG

**QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT
TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành : Luật hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số : 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. HỒ SỸ SƠN**

HÀ NỘI, năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn này chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Huỳnh Thị Thu Thương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT CỦA QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI	6
1.1. Khái niệm, ý nghĩa của quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.....	6
1.2. Các nguyên tắc và các căn cứ quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.....	16
1.3. Khái quát pháp luật hình sự Việt Nam về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.....	25
CHƯƠNG 2. THỰC TIỄN QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	32
2.1. Thực tiễn quyết định hình phạt đúng và nguyên nhân.....	32
2.2. Khó khăn, vướng mắc, sai lầm trong quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và nguyên nhân	44
CHƯƠNG 3. YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐÚNG TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI	54
3.1. Các yêu cầu đối với quyết định hình phạt đúng trong trường hợp phạm nhiều tội.....	54
3.2. Các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng trong trường hợp phạm nhiều tội.....	57
KẾT LUẬN	72
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	74

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
QĐHP	: Quyết định hình phạt
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1.	Thống kê số liệu án hình sự nổi cộm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (2012-2016)	33
Bảng 2.2.	Thống kê số vụ án phạm nhiều tội phổ biến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (2012- 2016)	34
Bảng 2.3.	Thống kê kết quả xét xử phúc thẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (2012-2016)	45

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Là hoạt động có vai trò quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, Quyết định hình phạt không những chỉ ra mức độ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội trên cơ sở đó quyết định hình phạt tương ứng mà còn thể hiện sự nghiêm minh, đảm bảo công bằng của pháp luật và là cơ sở để phát huy tác dụng giáo dục, phòng ngừa của hình phạt.

Quyết định hình phạt đúng là cả một vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn, không có một khuôn mẫu chung để quyết định hình phạt. Pháp luật hình sự Việt Nam quy định nhiều loại hình phạt và khoảng cách quá xa giữa các loại hình phạt cũng như cùng loại hình phạt tù có thời hạn dẫn đến khó khăn, thiếu thống nhất giữa các Tòa án khi quyết định hình phạt, nhất là khi quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

Quá trình áp dụng pháp luật hình sự và thực tiễn xét xử của các Tòa án ở nước ta cho thấy còn nhiều sai sót và hạn chế trong định tội danh và quyết định hình phạt, trong đó có quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Để quyết định hình phạt đúng, đảm bảo công lý, công bằng xã hội và phòng ngừa tội phạm đòi hỏi những người tiến hành tố tụng phải xác định đầy đủ, chính xác các tình tiết khách quan của vụ án, áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự. Đóng góp vào thực hiện được nhiệm vụ đó là những công trình nghiên cứu mang tính pháp lý – xã hội về quyết định hình phạt đối với người phạm tội, trong đó có trường hợp phạm nhiều tội. Do đó việc nghiên cứu đề tài “*Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*” dưới góc độ lý luận và thực tiễn là rất cần thiết, nhằm chỉ ra những thiếu sót, hạn chế trong hoạt động quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội để từ

đó có những khắc phục cũng như những giải pháp hoàn thiện.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội được quy định tại Điều 50 của Bộ luật hình sự 1999, đây là cơ sở pháp lý bắt buộc HĐXX phải áp dụng khi quyết định hình phạt đối với một người phạm nhiều tội bị xét xử trong cùng một vụ án. Đây là một chế định quan trọng, không chỉ là mối quan tâm của những người làm công tác xét xử mà của cả những người làm nghiên cứu pháp luật, cụ thể đã có không ít những công trình khoa học cũng như những bài viết của một số nhà khoa học pháp lý như:

- *“Luật hình sự Việt Nam phân chung”* GS.TS. Võ Khánh Vinh (Chủ biên), NXB Khoa học xã hội, 2014...

- *Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam trong sách “Tội phạm học luật hình sự và tổ tụng hình sự”* của GS. TS Võ Khánh Vinh, NXB Chính trị quốc gia, 1995;

- *“Quyết định hình phạt theo Luật hình sự Việt Nam”* trong sách “Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam” của GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa, NXB Chính trị Quốc gia, 1995;

- *“Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam”* (Luận văn Thạc sĩ Luật học, Hà Nội, 1996) của tác giả Trần Văn Sơn;

- *“Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam”* (Luận án Tiến sĩ Luật học, Hà Nội, 2003) của tác giả Dương Tuyết Miên;

- *“Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung”*, PGS. TS Cao Thị Oanh (Chủ biên), Nxb. Giáo dục Hà Nội, 2012;

- *“Nguyên tắc cá thể hóa việc quyết định hình phạt”*, GS. TS Võ Khánh Vinh, Tòa án nhân dân, 1990;

- *“Định tội danh và quyết định hình phạt”*, TS Dương Tuyết Miên, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2004;

Điều này cho thấy việc nghiên cứu, hoàn thiện vấn đề quyết định hình phạt trong trường hợp phạm cả về lý luận lẫn thực tiễn vẫn luôn là cần thiết, nhằm nâng cao chất lượng cũng như hiệu quả của công tác xét xử vụ án hình sự. Vì vậy, đây vẫn là đề tài cần được tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp luật về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội; thực tiễn quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, luận văn đề xuất hoàn thiện pháp luật hình sự và một số giải pháp khác bảo đảm quyết định hình phạt đúng trong trường hợp phạm nhiều tội.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên đây, luận văn tập trung thực hiện các nhiệm vụ:

- Nghiên cứu tài liệu về phạm nhiều tội, quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội;
- Phân tích các quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội;
- Thu thập số liệu thống kê các bản án mà Tòa án 2 cấp Đà Nẵng đã giải quyết từ năm 2012 đến năm 2016.
- Phân tích, đánh giá thực tiễn quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội ở Đà Nẵng.
- Đưa ra các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng trong trường hợp phạm nhiều tội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các quan điểm lý luận, quy định của pháp luật và thực tiễn quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu đề tài dưới góc độ Luật hình sự và thực tiễn quyết định hình phạt của các Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng trong thời gian từ 2012 đến năm 2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về chính sách hình sự, tội phạm, hình phạt và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm;

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh và khảo sát thực tiễn dựa trên những bản án, báo cáo tổng kết của Tòa án hai cấp tại Đà Nẵng.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu đề tài sẽ chỉ rõ những bất cập, những sai sót, không thống nhất trong quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Điều này có ý nghĩa cả về lý luận cũng như thực tiễn, góp phần hoàn thiện các quy phạm về chế định nhiều tội phạm và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có thể là tài liệu tham khảo cho các cán bộ làm công tác xét xử khi áp dụng pháp luật hình sự về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Là tài liệu tham khảo cho những người làm công tác giảng dạy, học viên cao học, sinh viên trong chuyên ngành tư pháp hình sự..

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo và kết luận, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật của quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Chương 2: Thực tiễn quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Chương 3: Yêu cầu và giải pháp quyết định hình phạt đúng trong trường hợp phạm nhiều tội theo pháp luật hình sự Việt Nam.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT CỦA QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI

1.1. Khái niệm, ý nghĩa của quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

1.1.1. Khái niệm phạm nhiều tội và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

1.1.1.1. Khái niệm phạm nhiều tội

Qua nghiên cứu cho thấy Bộ luật hình sự Việt Nam qua các năm vẫn chưa quy định khái niệm “*phạm nhiều tội*” mà chỉ quy định về tội phạm và trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Nhưng thực tế cho thấy trường hợp phạm nhiều tội xảy ra rất nhiều và tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với phạm tội đơn lẻ. Do đó để có cơ sở pháp lý cho việc định tội danh và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội thì cần phải xây dựng khái niệm phạm nhiều tội.

Ta thấy khái niệm “*phạm nhiều tội*” gồm hai khái niệm chính là “*phạm tội*” và “*nhiều*”. Trong đó phạm tội là hành vi thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội phạm được BLHS quy định, nhiều được hiểu là từ hai trở lên. Trên cơ sở hiểu theo nghĩa này thì có các khái niệm được xác định như:

Giáo trình Luật hình sự Việt Nam của Trường Đại học Luật Hà Nội đã đưa ra khái niệm về phạm nhiều tội : “*Phạm nhiều tội là trường hợp người có nhiều hành vi phạm tội hoặc chỉ có một hành vi phạm tội nhưng thỏa mãn nhiều cấu thành tội phạm khác nhau và bị đưa ra xét xử cùng một lần về các tội phạm đó*” [52, tr.285].

Từ điển luật học đã xây dựng khái niệm phạm nhiều tội: “*Chủ thể có nhiều hành vi phạm tội độc lập hoặc chỉ có một hành vi mà hành vi đã thực hiện đó thỏa mãn cấu thành tội phạm khác nhau thì phạm nhiều tội*” [50, tr.45].

Trên cơ sở các khái niệm nêu trên ta thấy phạm nhiều tội có các đặc điểm như sau:

- Về số lượng, người phạm tội có thể thực hiện một hay nhiều hành vi phạm tội.

- Các tội phạm đó phải được quy định trong các điều luật khác nhau của BLHS.

- Các tội phạm đó còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và được đưa ra xét xử cùng một lần. Đặc điểm này để phân biệt với các hình thức khác của chế định nhiều tội phạm, nhất là nhiều bản án. Việc quyết định hình phạt đối với các tội chưa được xét xử và được xét xử cùng một lần phải được đánh giá khác so với việc quyết định hình phạt trong trường hợp nhiều tội phạm mà có tội phạm đã được Tòa án xét xử và quyết định hình phạt trước đó, tức đã được phán quyết, nhắc nhở, răn đe mà còn phạm tội tiếp. Vì thế, không ngẫu nhiên mà trong pháp luật hình sự, người làm luật phân biệt quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án.

Từ những phân tích nêu trên, có thể nêu lên khái niệm về phạm nhiều tội một cách đầy đủ là:

Một người có các hành vi nguy hiểm cho xã hội cấu thành từ hai tội trở lên hoặc khi hành vi của người phạm tội có dấu hiệu cấu thành của từ hai tội trở lên được quy định tại các điều luật khác nhau trong phần các tội phạm của BLHS và các tội ấy chưa bị xét xử và nay bị đưa ra xét xử cùng một lần.

1.1.1.2. Khái niệm quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội mặc dù đã được quy định và sử dụng trong thời gian dài nhưng vẫn chưa có một văn bản pháp luật chính thức nào đưa ra khái niệm này. Trong khoa học luật hình sự hiện nay cũng có khá nhiều quan điểm về khái niệm quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, nhìn chung đều thể hiện theo hai nghĩa là nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội theo nghĩa hẹp là quyết định hình phạt chính và quyết định hình phạt bổ sung. *“Tòa án lựa chọn ra hình phạt cụ thể bao gồm hình phạt chính và có thể có cả hình phạt bổ sung tùy mức độ cụ thể trong phạm vi luật định để áp dụng đối với người phạm nhiều tội”*.

Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội theo nghĩa rộng đó là quyết định biện pháp xử lý đối với người phạm nhiều tội. Theo nghĩa này thì bao gồm: *Quyết định hình phạt chính, quyết định hình phạt bổ sung, quyết định biện pháp chấp hành hình phạt, quyết định các biện pháp tư pháp với mục đích thay thế hoặc hỗ trợ cho hình phạt*.

Dù hiểu theo nghĩa nào thì quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội cũng phải xuất phát từ nguyên tắc tương xứng giữa hình phạt và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, trong mọi trường hợp không được áp dụng hình phạt đối với hành vi không được BLHS quy định là tội phạm và cũng không loại trừ trường hợp không được áp dụng một loại hình phạt nào đó nếu hình phạt đó không được quy định trong hệ thống hình phạt hoặc không được quy định trong chế tài của Điều luật. Đây cũng là nguyên tắc xuyên suốt của Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hình phạt chính là hậu quả pháp lý mà người thực hiện hành vi phạm nhiều tội phải gánh chịu. Quyết định hình phạt là hoạt động liên quan chặt chẽ

và bước kế tiếp của việc xác định hành vi của một người là tội phạm hay còn gọi là định tội danh. Do vậy, định tội đúng cũng có nghĩa là sẽ xác định được đúng loại và mức hình phạt để áp dụng đối với người phạm tội. Những hành vi phạm tội cụ thể không những có sự khác nhau về nguyên nhân phát sinh, tính chất của quan hệ xã hội bị xâm phạm, khác nhau về tính chất, mức độ nguy hiểm của hậu quả do hành vi phạm tội gây ra mà có khác nhau ở nhiều tình tiết khách quan và chủ quan khác nên khi quyết định hình phạt Tòa án cũng cần phải cân nhắc một cách toàn diện các tình tiết của tội phạm từ các biểu hiện khách quan bên ngoài như hành vi, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, công cụ, phương tiện phạm tội, thời gian, địa điểm phạm tội v.v... đến những đặc điểm chủ quan, cũng như nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Nói như vậy để thấy rằng hình phạt chỉ được quyết định một cách đúng đắn, công bằng và đạt được mục đích của nó khi và chỉ khi nó được quyết định trên cơ sở sự đánh giá thống nhất giữa các tình tiết khách quan và chủ quan của tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt Tòa án phải thực hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt đối với người phạm tội. Tức là trên cơ sở quy định pháp luật, ý thức pháp luật mà quyết định loại và mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân người phạm tội. Hình phạt mà Tòa án lựa chọn phải trong phạm vi chế tài của điều luật quy định trách nhiệm hình sự đối với tội phạm đó, đảm bảo sự thống nhất về đường lối đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần tăng cường pháp chế XHCN [25, tr.36].

Khi quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, Tòa án quyết định cho mỗi tội một hình phạt chính cũng như hình phạt bổ sung nếu có, sau đó sẽ tổng hợp các hình phạt này theo quy định của BLHS. Đối với hình phạt chính, nếu trong khung hình phạt nhà làm luật quy định nhiều loại hình phạt

khác nhau thì khi quyết định hình phạt Tòa án lựa chọn một loại hình phạt và quyết định mức hình phạt trong phạm vi giới hạn tối thiểu và tối đa của khung hình phạt, trong mọi trường hợp đều không được vượt mức tối đa của chế tài. Đối với một số loại hình phạt không quy định thời hạn như cảnh cáo, trục xuất, tù chung thân hoặc tử hình thì quyết định hình phạt thực chất chỉ là việc lựa chọn hình phạt mà thôi, không có bước ấn định mức hình phạt cụ thể áp dụng đối với người phạm tội. Đối với hình phạt bổ sung, việc quyết định hình phạt được thực hiện tương tự như hình phạt chính, tức là Tòa án lựa chọn loại và quyết định mức hình phạt trong phạm vi cho phép của khung hình phạt phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và đặc điểm nhân thân người phạm tội để áp dụng kèm theo hình phạt chính nhằm mục đích bổ sung cho hình phạt chính. Sau khi quyết định hình phạt chính, hình phạt bổ sung (nếu có) cho từng tội thì Tòa án (HĐXX) mới quyết định hình phạt chung.

Như vậy, cần hiểu khái niệm quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội như sau: *“Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là quyết định hình phạt trong trường hợp người phạm tội đã phạm từ hai tội trở lên mà các tội đó còn thời hiệu truy cứu TNHS, chưa bị xét xử và nay bị đưa ra xét xử cùng một lần. Sau khi xác định tội danh, Tòa án (Hội đồng xét xử) quyết định hình phạt cho từng tội rồi tổng hợp hình phạt chung theo quy định của BLHS”*.

1.1.2. Ý nghĩa của quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Không ngẫu nhiên mà trong pháp luật hình sự, các nhà làm luật lại chia ra trường hợp quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và tổng hợp hình phạt trong trường hợp có nhiều bản án. Thực tế có những trường hợp phạm nhiều tội sau:

+ Một hành vi phạm tội được thực hiện nhưng hành vi đó cấu thành các

tội khác nhau. Ví dụ: Người có hành vi dùng dao chém chết người để cướp tài sản. Mặc dù người phạm tội chỉ thực hiện một hành vi nhưng hành vi đó lại cấu thành hai tội, tội giết người (Điều 93 BLHS) và tội cướp tài sản (Điều 133 BLHS);

+ Một hành vi phạm tội được thực hiện nhưng thủ đoạn thực hiện tội phạm đó lại cấu thành một tội phạm khác. Ví dụ: Người có hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan Nhà nước để lừa đảo chiếm đoạt tài sản cấu thành hai tội, gồm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139 BLHS) và tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 267 BLHS).

+ Nhiều hành vi phạm tội khác nhau được thực hiện và các hành vi đó thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành nhiều tội phạm khác nhau. Ví dụ: Người có hành vi khai thác trái phép cây rừng và hành vi đưa hối lộ cho cán bộ kiểm lâm để được thuận lợi trong việc khai thác trái phép cây rừng, hành vi của người đó cấu thành tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (Điều 175 BLHS) và tội đưa hối lộ (Điều 289 BLHS)

Như vậy có thể nhận thấy tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội trong trường hợp phạm nhiều tội cũng như hậu quả của nó thường lớn hơn so với việc phạm tội đơn lẻ. Việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội phạm các tội được xét xử cùng một lần phải được đánh giá khác so với việc quyết định hình phạt trong trường hợp nhiều tội phạm mà có tội phạm đã được Tòa án xét xử và quyết định hình phạt trước đó mà còn tiếp tục phạm tội.

Quyết định hình phạt phù hợp với các tội mà người phạm tội phạm phải là một vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng. Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm nhiều tội là rất nguy hiểm bởi hành vi xâm phạm đến nhiều khách thể, mức độ ý chí của người phạm tội trong trường hợp này cũng thường nguy hiểm hơn cho xã hội nên cần thiết quy định quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Việc quyết định hình phạt đúng trong

trường hợp phạm nhiều tội có những ý nghĩa quan trọng sau:

1.1.2.1. Quyết định hình phạt đúng trong trường hợp phạm nhiều tội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị-xã hội và pháp lý

Quyết định hình phạt là một trong những giai đoạn cơ bản, một nội dung quan trọng của quá trình áp dụng luật hình sự. Quyết định hình phạt góp phần củng cố và giữ vững pháp chế, trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp 2013 và Bộ luật Hình sự năm 1999 (BLHS) quy định, chỉ có Toà án mới có quyền quyết định hình phạt. Theo đó, Toà án nhân danh Nhà nước, căn cứ vào quy định của BLHS tuyên bố áp dụng hình phạt đối với người phạm tội. Điều này thể hiện sự lên án của Nhà nước đối với người phạm tội về việc thực hiện tội phạm.

Quyết định hình phạt đúng là một trong những yêu cầu hết sức quan trọng, thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật, bảo đảm cho pháp luật, các quy tắc xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của con người không bị xâm phạm. Việc quyết định hình phạt đúng, công bằng và hợp lý là tiền đề, điều kiện để đạt mục đích hình phạt đó là không chỉ trừng trị, giáo dục, cải tạo bản thân người phạm tội trở thành con người tốt, khiến họ có ý thức tôn trọng, tự giác chấp hành pháp luật và các quy tắc của cuộc sống mà còn khiến cho các thành viên khác trong xã hội vững tin vào pháp luật, coi pháp luật là chỗ dựa vững chắc cho mọi hành động. Nếu hình phạt quá nhẹ sẽ làm giảm ý nghĩa phòng ngừa của hình phạt, bởi nó có thể làm phát sinh ý định phạm tội, thái độ vô trách nhiệm và coi thường pháp luật. Nhưng hình phạt quá nặng sẽ tạo tâm lý không công bằng, không hợp lý ở người bị kết án dẫn đến thái độ oán hận, không tin tưởng pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng loại tội phạm, khoản 3 Điều 8 BLHS năm 1999 đã quy định phân thành các loại tội phạm từ thấp đến cao. Theo quy định của BLHS thì các hình phạt cũng được

sắp xếp theo một trình tự nhất định, tạo thành một chỉnh thể thống nhất được gọi là hệ thống hình phạt nhưng vẫn đảm bảo căn cứ, điều kiện áp dụng của mỗi loại hình phạt trong các trường hợp cụ thể. Chúng tôi đồng tình với quan điểm cho rằng “Hệ thống hình phạt là tổng hợp các biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong pháp luật hình sự, căn cứ vào mức độ nghiêm khắc của mỗi loại được sắp xếp thành một danh mục cụ thể theo trình tự nhất định từ nhẹ đến nặng hay ngược lại và chỉ do Toà án quyết định trong Bản án kết tội đối với bị cáo vì đã thực hiện tội phạm” [7, tr.688].

Theo Điều 26 BLHS năm 1999, hình phạt chỉ do Toà án quyết định, việc quyết định hình phạt có ý nghĩa pháp lý cao, quyết định đến khả năng đạt được mục đích và hiệu quả của hình phạt. Hệ thống hình phạt có khả năng thực thi trên thực tế, không chỉ thể hiện ở việc đưa các hình phạt cụ thể được quy định trong BLHS vào thực tiễn mà quan trọng hơn là việc áp dụng các hình phạt đó trong thực tiễn có đạt được mục đích trừng trị, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa chung hay không? các mục đích này đạt được ở mức độ nào? Vì vậy, chỉ khi nào Hội đồng xét xử quyết định hình phạt, kết hợp được giữa trừng trị với giáo dục người phạm tội, phát huy được tác dụng của hình phạt thì mới đảm bảo được tính khả thi của hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam.

1.1.2.2. Quyết định hình phạt đúng tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thi hành án và là cơ sở pháp lý để đạt được mục đích giáo dục, cải tạo, phòng ngừa của hình phạt

Điều 27 BLHS 1999 quy định mục đích của hình phạt: “*Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục*

người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm”. Như vậy, có thể hiểu mục đích của hình phạt là những điều mà Nhà nước ta mong muốn đạt được khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội bị kết án. Mục đích của hình phạt tuy là yếu tố quyết định đối với hoạt động quyết định hình phạt nhưng mục đích của hình phạt có đạt được hay không lại phụ thuộc nhiều vào việc quyết định hình phạt được thực hiện như thế nào. Mọi trường hợp quyết định hình phạt sai, quyết định hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ sẽ không đạt được mục đích của hình phạt trong thực tiễn và còn làm nảy sinh những phản ứng tiêu cực, tâm lý chống đối, không tin tưởng vào tính công minh của pháp luật, của các cơ quan bảo vệ pháp luật... từ phía người bị kết án và dư luận xã hội.

Mặc dù Điều 27 BLHS năm 1999 đã quy định rất cụ thể về mục đích của hình phạt nhưng việc xác định hình phạt có bao nhiêu mục đích vẫn còn là vấn đề gây nhiều tranh luận trong khoa học pháp lý hình sự. Xuất phát từ những quan điểm khác nhau về số lượng các mục đích của hình phạt, chúng tôi nhận thấy có bốn quan điểm chính về mục đích của hình phạt là: Quan điểm truyền thống coi các mục đích quan trọng hơn cả của hình phạt là ngăn ngừa riêng và ngăn ngừa chung; Quan điểm nghiêng về trừng trị coi mục đích của hình phạt chỉ là trừng trị; Quan điểm nghiêng về đạo đức coi mục đích của hình phạt chỉ là giáo dục và cải tạo; Quan điểm mềm dẻo coi các mục đích của hình phạt là cả trừng trị, cải tạo và giáo dục [7, tr.686].

Nhìn chung, tất cả các quan điểm này đều thừa nhận một trong hai hoặc cả hai mục đích chính của hình phạt là trừng trị và giáo dục, cải tạo người phạm tội. Tuy nhiên, cũng có quan điểm không coi trừng trị là mục đích của hình phạt mà là nội dung, là bản chất, là thuộc tính của hình phạt, là phương tiện để đạt được mục đích phòng ngừa riêng, phòng ngừa chung của hình

phạt. Tác giả hoàn toàn đồng ý rằng trừng trị là nội dung, là bản chất của hình phạt, bất kỳ hình phạt nào của luật hình sự cũng đều có nội dung tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội, kể cả hình phạt nhẹ nhất là cảnh cáo.

Theo quy định tại Điều 26 BLHS năm 1999 thì “Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất” nhưng điều đó không có nghĩa mục đích trừng trị của hình phạt là nhằm làm cho người phạm tội khiếp sợ, hành hạ nhân phẩm, vật chất của người phạm tội, đặc biệt chế độ XHCN của nước ta có truyền thống lấy chữ “tâm” làm lẽ sống thì càng không coi trừng trị là mục đích của hình phạt. Việc Nhà nước áp dụng hình phạt đối với người phạm tội bị kết án không phải là lấy cái ác để trừ cái ác mà thông qua hình phạt Nhà nước đã trực tiếp thực hiện việc “răn đe”, là biện pháp cần thiết để qua đó “cảm hoá” người phạm tội, giáo dục, ngăn ngừa họ và nâng cao ý thức pháp luật của người khác, làm cho họ thấy được tính nguy hiểm của tội phạm và sự cần thiết áp dụng hình phạt, xa hơn nữa là để đảm bảo công bằng xã hội, đảm bảo công lý. Đây mới chính là mục đích cuối cùng của hình phạt trong luật hình sự Việt Nam.

1.1.2.3. Quyết định hình phạt đúng là cơ sở pháp lý góp phần nâng cao hiệu quả của hình phạt

Nói đến hiệu quả của hình phạt là nói đến tác dụng tích cực của hình phạt đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và đối với xã hội. Khi hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội bị kết án và thi hành trong thực tiễn thì mức độ đạt được hiệu quả của hình phạt phụ lại thuộc vào nhiều yếu tố như quy định hình phạt, hoạt động quyết định hình phạt, việc tổ chức thi hành hình phạt và tái hoà nhập cộng đồng; công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm hình thành và nâng cao ý thức pháp luật cho công dân. Kết quả thực tế đã đạt được của việc quyết định hình phạt so với mục đích của hình phạt là

tiêu chí đánh giá hiệu quả của hình phạt chính. Theo đó, mức độ đạt được mục đích của hình phạt càng cao thì hiệu quả của hình phạt đạt được càng cao và ngược lại.

Chỉ thông qua việc quyết định hình phạt đúng thì quy phạm pháp luật mới phát huy được tác dụng trong thực tiễn. Quyết định hình phạt đúng còn là tiền đề cho việc tổ chức thi hành hình phạt một cách tốt nhất và hiệu quả nhất. Một bản án công minh, đúng pháp luật không những giúp cho việc áp dụng và thi hành hình phạt đảm bảo được mục đích của hình phạt mà còn nâng cao được nhận thức, ý thức pháp luật của mọi người trong cộng đồng xã hội.

1.2. Các nguyên tắc và các căn cứ quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

1.2.1. Các nguyên tắc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Quyết định hình phạt là hoạt động quan trọng trong quá trình xét xử vụ án của Tòa án. Để quyết định một hình phạt đúng pháp luật, công bằng, hợp lý trong mọi trường hợp phạm tội thì ngoài việc tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về căn cứ quyết định hình phạt, các quy định pháp luật Phần chung và Phần các tội phạm BLHS, Tòa án còn phải tuân theo một số nguyên tắc nhất định. Và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là một trong những chế định đặc biệt của quyết định hình phạt nên đòi hỏi cũng phải tuân theo những nguyên tắc chung của quyết định hình phạt nguyên tắc đặc thù của quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

Các nguyên tắc chung bao gồm các nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc cá thể hóa hình phạt và nguyên tắc công bằng. Trong đó nguyên tắc pháp chế XHCN là nguyên tắc có ý nghĩa quan trọng hàng đầu vì chỉ khi tuân thủ nghiêm chỉnh nguyên tắc này mới có thể áp dụng các nguyên tắc khác của chế định QĐHP vào thực tiễn xét xử.

Khi áp dụng hình phạt đối với người bị kết án, Tòa án phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của luật hình sự và hình phạt chỉ được áp dụng đối với hành vi phạm tội được quy định cụ thể trong luật. Cụ thể Điều 2 BLHS Việt Nam 1999 quy định "*Chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quyết định mới phải chịu trách nhiệm hình sự*", đồng thời Điều 8 BLHS quy định "*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự...*". Nội dung của nguyên tắc pháp chế còn biểu hiện ở chỗ, khi quyết định hình phạt, Tòa án phải tuân theo trình tự tố tụng nhất định, các điều kiện áp dụng của từng loại hình phạt cụ thể và đặc biệt Tòa án chỉ có thể tuyên những hình phạt được quy định trong BLHS. Điều 26 BLHS quy định "*hình phạt được quy định trong BLHS do Tòa án quyết định*". Bên cạnh đó nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa chính là tư tưởng chỉ đạo cơ bản được ghi nhận trong các QPPL hình sự phản ánh đúng những quy luật kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội chủ nghĩa, những quan niệm đạo đức của nhân dân ta trong việc quy định tội phạm và hình phạt thể hiện được trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo vệ các lợi ích của xã hội, của nhà nước, công dân, đồng thời thể hiện được thái độ khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Chính vì vậy mà khi quyết định hình phạt đòi hỏi không đi chệch ra khỏi nguyên tắc này. Ngoài ra nguyên tắc cá thể hoá hình phạt và nguyên tắc công bằng cũng phải được tuân thủ nghiêm ngặt. Các Tòa án khi quyết định một loại và mức độ hình phạt cụ thể hình phạt đối với bị cáo thì phải cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phải tương xứng với tội đã phạm và nhân thân người phạm tội, không phân biệt giới tính, dân tộc, địa vị kinh tế...của họ. Tương xứng với tội đã phạm nghĩa là tội đã phạm càng nghiêm trọng và trong những điều kiện khá giống nhau thì hình phạt phải càng nghiêm khắc và ngược lại. Còn tương xứng với thân nhân của

người phạm tội và các tình tiết khác có trong vụ án có nghĩa là phải tương ứng với những đặc điểm tính cách đặc điểm xã hội cụ thể của từng người phạm tội cụ thể. Hình phạt do Tòa án quyết định tùy thuộc vào các tình tiết cụ thể của vụ án, có thể ở mức cao hoặc thấp, nặng hoặc nhẹ nhưng trong mọi trường hợp phải đảm bảo nguyên tắc công bằng, đúng pháp luật; nếu không tất yếu sẽ không có tác dụng giáo dục, cải tạo người bị kết án trở thành công dân có ích cho xã hội, ngăn ngừa họ phạm tội mới, đồng thời cũng không có khả năng giáo dục người khác tôn trọng pháp luật hoặc tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Các nguyên tắc đặc thù của quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội bao gồm các nguyên tắc cộng toàn bộ, nguyên tắc cộng một phần, nguyên tắc thu hút và nguyên tắc cùng tồn tại.

Khi quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội phải tuân theo một trình tự nhất định, các hình phạt đối với từng tội danh phải được xác định riêng rồi sau đó mới được tổng hợp lại với nhau thành một hình phạt chung, việc tổng hợp hình phạt phải dựa vào quy định của Điều 50 BLHS. Trong mỗi trường hợp, mỗi loại hình phạt đều có những cách tổng hợp khác nhau dựa trên các nguyên tắc của pháp luật Việt Nam. Đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội mà các tội thực hiện ở các thời điểm khác nhau thì cách tổng hợp cũng khác nhau, việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp này cũng cần căn cứ vào các thời điểm phạm tội của người chưa thành niên phạm nhiều tội để đưa ra quyết định hình phạt chính xác, đúng quy định của pháp luật.

Trong phạm vi đề tài này, tác giả chỉ phân tích các nguyên tắc đặc thù của quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

1.2.1.1. Nguyên tắc cộng toàn bộ hình phạt

Theo nguyên tắc cộng toàn bộ là nguyên tắc cho phép cộng toàn bộ các hình phạt thành hình phạt chung. Nguyên tắc này được áp dụng khi có thể và

thấy cần thiết phải cộng toàn bộ các hình phạt với nhau. Hình phạt chung sau khi đã cộng bằng tổng các hình phạt đã tuyên và không vượt giới hạn mà luật cho phép đối với loại hình phạt đó. Pháp luật hình sự nước ta qua các thời kỳ quy định mức cao nhất của hình phạt khác nhau như: Hình phạt chung không vượt quá mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội nặng nhất (BLHS 1985); Không vượt quá mức cao nhất của loại hình phạt (BLHS 1985 sửa đổi) hoặc không vượt quá 30 năm tù (BLHS 1999).

Điều kiện cho phép áp dụng nguyên tắc này là các hình phạt đã tuyên phải cùng loại, nếu khác loại thì các loại hình phạt phải có thể quy về cùng loại đồng thời đơn vị tính của hình phạt phải cho phép cộng được.

Khi thấy cần thiết áp dụng nguyên tắc này thì không thể áp dụng nguyên tắc khác. Ví dụ như đối với trường hợp người phạm tội trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, hình phạt tương ứng với mỗi loại tội là mười một năm tù và hai năm tù. Khi áp dụng nguyên tắc cộng toàn bộ thì người này phải chịu hình phạt chung là mười ba năm tù cho hai tội danh.

Hoặc trường hợp các hình phạt đã tuyên gồm cả hình phạt cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn thì Tòa án phải quy đổi cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù có thời hạn theo tỷ lệ cứ ba ngày cải tạo không giam giữ bằng một ngày tù. Sau đó, Tòa án sẽ tổng hợp thành hình phạt chung. Hình phạt chung không được vượt quá 30 năm tù. Ví dụ một người phạm tội đánh bạc và tội cố ý gây thương tích, hình phạt tương ứng với mỗi loại tội là chín tháng cải tạo không giam giữ và hai năm tù. Khi áp dụng nguyên tắc cộng, Tòa án quy đổi chín tháng cải tạo không giam giữ thành ba tháng tù và người này phải chịu hình phạt chung là hai năm ba tháng tù cho hai tội danh.

1.2.1.2. Nguyên tắc cộng một phần hình phạt

Nguyên tắc này được áp dụng khi không thể cộng toàn bộ được vì mới

cộng một phần hình phạt còn lại với hình phạt nặng nhất đã đạt mức tối đa cho phép của loại hình phạt. Ví dụ đối với người phạm tội bị Tòa án tuyên phạt hai mươi năm tù về tội giết người và mười hai năm tù về tội cướp tài sản. Trong trường hợp này, hình phạt chung mà người phạm tội phải chấp hành là 30 năm tù. Tổng cộng hình phạt đúng ra phải chịu mức tù là 32 năm nhưng vì hình phạt chung không được quá 30 năm nên Tòa án chỉ có thể cộng 20 năm tù của tội giết người với 10 năm tù của tội cướp tài sản thì đã đạt mức tối đa cho phép là 30 năm.

1.2.1.3. Nguyên tắc thu hút hình phạt

Theo nguyên tắc thu hút thì hình phạt chung là hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt mà Tòa án đã tuyên đối với người phạm tội. Nguyên tắc này được áp dụng trong hai trường hợp sau:

- Trường hợp thứ nhất là trường hợp không thể cộng được vì có một trong các hình phạt đã tuyên là hình phạt nặng nhất trong hệ thống hình phạt hoặc đã ở mức cao nhất hay do các hình phạt không thể cùng chấp hành;

Ví dụ trong trường hợp một người phạm tội hiếp dâm, giết người và tội “huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tòa án tuyên tử hình đối với tội giết người và 10 năm tù với tội hiếp dâm và 5 năm tù với tội “huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tòa án tổng hợp hình phạt đối với người đó là tử hình, trong trường hợp này hình phạt chung được thu hút vào hình phạt tử hình là loại hình phạt nặng nhất trong hệ thống hình phạt.

- Trường hợp thứ hai là trường hợp có thể cộng được nhưng không cộng vì các hình phạt khác so với hình phạt nặng nhất là không đáng kể hoặc tính chất và mức độ nguy hiểm của tội nhẹ so với tội nặng nhất là không đáng kể. Nguyên tắc này được thực hiện trong Luật hình sự nước ta trước khi pháp luật hình sự được pháp điển hoá năm 1985.

Như vậy nguyên tắc thu hút hình phạt được áp dụng khi hình phạt nặng

nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình hoặc tù chung thân.

1.2.1.4. Nguyên tắc cùng tồn tại

Nguyên tắc cùng tồn tại chỉ được áp dụng khi không áp dụng được các nguyên tắc trên. Cụ thể là nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại và không thể áp dụng được nguyên tắc thu hút hình phạt thì bị cáo phải chấp hành tất cả các hình phạt này. Theo nguyên tắc này, các hình phạt khác loại nhau như hình phạt tù giam, phạt tiền, trục xuất v.v... đều cùng đồng thời được áp dụng đối với người phạm tội. Quyết định hình phạt theo nguyên tắc này sẽ không có hình phạt chung cho tất cả các tội mà chỉ có việc phải chấp hành đồng thời các hình phạt. Ví dụ: Bị cáo B phạm tội đánh bạc và tội chống người thi hành công vụ. Toà án tuyên phạt 50 triệu đồng về tội “đánh bạc” và phạt 2 năm tù về “tội chống người thi hành công vụ”. Trường hợp này bị cáo phải chấp hành đồng thời cả hai hình phạt trên.

1.2.2. Các căn cứ quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Căn cứ quyết định hình phạt là những đòi hỏi, yêu cầu có tính bắt buộc Toà án phải tuân theo khi quyết định hình phạt. Trong BLHS cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành luật đều chưa có định nghĩa về căn cứ quyết định hình phạt mà chỉ quy định về nội dung của căn cứ quyết định hình phạt. Tuy nhiên, trong khoa học pháp lý đã có một số tác giả đưa ra định nghĩa về căn cứ quyết định hình phạt trong các công trình nghiên cứu riêng của mình.

Theo tác giả Võ Khánh Vinh thì “Các căn cứ quyết định hình phạt là những đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do luật hình sự quy định hoặc do giải thích luật mà có, buộc Toà án phải tuân theo khi quyết định hình phạt đối với người thực hiện tội phạm” [54, tr. 237].

Tác giả Lê Cẩm cho rằng: “Những căn cứ quyết định hình phạt là toàn bộ những yêu cầu có tính chất bắt buộc do luật định mà Toà án phải nghiêm chỉnh tuân thủ khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

Tác giả Đinh Văn Quế trong các tác phẩm của mình cũng định nghĩa :
"Căn cứ quyết định hình phạt là những yêu cầu cơ bản (là chỗ dựa) buộc Toà án phải tuân theo khi quyết định hình phạt đối với tội phạm".

Các định nghĩa này, nhìn chung đều đã chỉ ra được bản chất của căn cứ quyết định hình phạt.

Tại Điều 45 BLHS 1999 nhà làm luật Việt Nam quy định: "Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự".

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm đầy đủ về căn cứ quyết định hình phạt như sau: Căn cứ quyết định hình phạt là những yêu cầu cụ thể, mang tính khách quan, toàn diện, do bộ luật hình sự quy định mà buộc Hội đồng xét xử phải tuân theo khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội bị kết án.

Đối với trường hợp người phạm tội phạm nhiều tội thì khi quyết định hình phạt HĐXX cũng phải tuân thủ các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định, đó là những căn cứ sau:

1.2.2.1. Các quy định của Bộ luật hình sự

Để đảm bảo cho việc nhận thức và áp dụng một cách thống nhất, chính xác và có hiệu quả, căn cứ quyết định hình phạt bắt buộc phải được quy định đầy đủ trong BLHS, phải có nội dung cụ thể, rõ ràng và trở thành chuẩn mực chung cho việc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội.

Quy định của BLHS là cơ sở pháp lý quan trọng nhất để Toà án định tội danh, lựa chọn đúng loại và xác định mức hình phạt cụ thể để áp dụng đối với người phạm tội. Đó là những quy định về nguyên tắc xử lý, về hình phạt và quyết định hình phạt. Trên cơ sở đã định tội danh, HĐXX xác định khung hình phạt tương ứng với tội phạm. Tiếp sau đó HĐXX dựa vào các quy định của phần chung trong BLHS gồm: các nguyên tắc xử lý, quy định liên quan đến

hình phạt, các biện pháp tư pháp, các quy định về căn cứ quyết định hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, quy định về án treo để quyết định loại và mức hình phạt cụ thể. Việc căn cứ vào các quy định trong BLHS khi quyết định hình phạt sẽ đảm bảo cho Hội đồng xét xử trên cơ sở đánh giá toàn diện các tình tiết của vụ án hình sự mà có sự nhận thức, áp dụng đúng đắn, triệt để căn cứ quyết định hình phạt, đảm bảo tính thống nhất của quyết định hình phạt trong phạm vi cả nước. Không tùy tiện thêm bớt bất kỳ căn cứ quyết định hình phạt nào theo ý thức chủ quan hay kinh nghiệm của người quyết định hình phạt.

Căn cứ này là sự đảm bảo để thực hiện nguyên tắc pháp chế XHCN trong quyết định hình phạt, cũng như những nguyên tắc khác khi quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

1.2.2.2. Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội

Qua thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm đã cho thấy các trường hợp phạm tội diễn ra hết sức đa dạng, phức tạp và không bao giờ giống nhau một cách tuyệt đối, kể cả các trường hợp cùng phạm một tội cụ thể cũng luôn khác nhau về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội. Do đó, để quyết định hình phạt đối với mỗi hành vi phạm tội cụ thể trong trường hợp phạm nhiều tội bắt buộc HĐXX phải căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng hành vi phạm tội để quyết định hình phạt tương xứng.

Các khung chế tài của các loại tội phạm đã được nhà làm luật xây dựng chủ yếu căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng loại tội phạm. Tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được đánh giá dựa trên tầm quan trọng và giá trị của quan hệ xã hội bị tội phạm xâm hại và các yếu tố như thủ đoạn, công cụ, phương tiện, hình thức thực hiện... tính chất và mức độ của hậu quả đã gây ra hoặc đe dọa gây ra, mức độ

lỗi của người phạm tội, hoàn cảnh phạm tội... Do đó, khi quyết định hình phạt trong từng trường hợp cụ thể bao gồm cả trường hợp phạm nhiều tội thì HĐXX phải căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nêu rõ trong bản án những tình tiết cụ thể để chứng minh tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã xảy ra mà HĐXX căn cứ vào đó và những tình tiết khác để chọn loại hình phạt và mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo. Điều này đảm bảo cho việc quyết định hình phạt được thống nhất, công bằng và đúng pháp luật.

1.2.2.3. Nhân thân người phạm tội

Nhân thân người phạm tội bao gồm tổng hợp các đặc điểm về xã hội, tâm lý, đạo đức, sinh học, nói lên tính chất của con người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật hình sự quy định là tội phạm.

Căn cứ vào nhân thân người phạm tội cũng là căn cứ thể hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, đòi hỏi HĐXX khi quyết định hình phạt phải xác định loại và mức hình phạt cụ thể không chỉ tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà còn phù hợp với đặc điểm nhân thân người phạm tội để đảm bảo hình phạt đã tuyên đạt được mục đích của hình phạt. Nhiều đặc điểm nhân thân người phạm tội có ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội như phạm tội lần đầu, có tiền án tiền sự gì chưa, tái phạm hay tái phạm nguy hiểm, là người đã thành niên hay chưa thành niên phạm tội.... Nhiều đặc điểm nhân thân người phạm tội phản ánh khả năng giáo dục, cải tạo của họ như có thái độ thành khẩn, tự thú, ăn năn hối cải hay ngoan cố chống đối.... hoặc phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của họ như người già yếu, phụ nữ có thai hoặc nuôi con nhỏ... Những đặc điểm nhân thân người phạm tội sẽ là điều kiện cho phép hoặc giới hạn việc quyết định hình phạt hoặc áp dụng hình phạt (như Điều 31, 34, 35, 46, 47, 48...). Do đó, cần thiết phải căn cứ vào nhân thân người phạm tội khi quyết định hình phạt.

1.2.2.4. Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự

Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự với tính chất là một căn cứ quyết định hình phạt, là những tình tiết được quy định trong Phần chung của BLHS, có giá trị làm giảm hoặc tăng mức độ trách nhiệm hình sự của người phạm tội trong phạm vi một khung hình phạt để tạo tiền đề cho việc cá thể hoá hình phạt đối với người phạm tội được chính xác. Các tình tiết này đã thuộc về nội dung của căn cứ thứ hai và thứ ba nêu trên, nhưng BLHS vẫn coi đây là căn cứ độc lập nhằm mục đích buộc HĐXX phải cân nhắc riêng các tình tiết này khi quyết định hình phạt để đi đến quyết định giảm nhẹ hoặc tăng nặng trách nhiệm hình sự trong phạm vi của khung hình phạt cho phép.

Khi nghiên cứu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với tính chất là căn cứ quyết định hình phạt thì cần phân biệt nó với tình tiết định tội và tình tiết định khung. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tình tiết phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội tăng lên hoặc giảm xuống của tội phạm trong phạm vi khung hình phạt đã được xác định, đây là căn cứ để quyết định loại và mức hình phạt cụ thể.

1.3. Khái quát pháp luật hình sự Việt Nam về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Cùng với sự phát triển của đất nước, pháp luật hình sự của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam cũng có những thay đổi, bổ sung để kịp thời điều chỉnh những quan hệ xã hội mới. Trong đó có thể thấy, quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là một quy định pháp luật hình sự ra đời từ rất sớm và là một quy định khá quan trọng trong luật hình sự nên quy định quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội cũng đã được dần hoàn thiện để đáp ứng đòi hỏi của xã hội.

1.3.1. Giai đoạn từ năm 1945 cho đến trước khi có Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Trong giai đoạn này nhìn chung quy định quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội chưa được quy định trong các văn bản pháp luật mà mới chỉ được đề cập đến trong các bản báo cáo Tổng kết công tác của hệ thống Tòa án và các Công văn của TANDTC hướng dẫn các Tòa án địa phương việc xét xử.

Trước khi ban hành BLHS năm 1985, pháp luật hình sự Việt nam chưa có quy định cụ thể về quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội, nên vào những thời điểm khác nhau, việc quyết định hình phạt được các Tòa án thực hiện với nhiều cách thức không thống nhất. Theo báo cáo công tác ngành Tòa án năm 1964, việc quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội, có Tòa án đã phân tích, nhận định trong bản án phạm nhiều tội nhưng lại không tuyên hình phạt riêng cho từng tội mà chỉ quyết định hình phạt chung cho tất cả các tội được phân tích; Cũng có Tòa án quyết định hình phạt cụ thể cho mỗi tội rồi tổng hợp thành hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành, thậm chí có Tòa án đã quyết định hình phạt chung cho bị cáo thấp hơn hình phạt đã tuyên cho tội nặng nhất trong các tội mà bị cáo đã phạm. Hoặc trường hợp một người có nhiều hành vi cấu thành nhiều tội hoặc có một hành vi cấu thành nhiều tội thì các Tòa án cũng có đường lối xử lý khác nhau trong việc xét xử bị cáo về một tội hay nhiều tội, từ đó quyết định hình phạt cũng khác nhau. Việc quyết định hình phạt chung cho các tội cũng được thực hiện bằng nhiều cách khác nhau như thu hút hình phạt nhẹ vào hình phạt nặng hoặc cộng tất cả các hình phạt đã tuyên cho từng tội lại, hoặc cộng thêm vào hình phạt nặng nhất một phần của các hình phạt đã tuyên [6, tr.139-140].

Để khắc phục tình trạng trên, trong báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1964 sau khi chỉ ra những thiếu sót mà các Tòa án địa phương cần

khắc phục. Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã hướng dẫn các Tòa án cách thức định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội. Cụ thể:

Đối với trường hợp bị cáo phạm nhiều tội, khi xét xử nói chung trong những trường hợp thấy cần thiết và có thể, Tòa án nên phân tích, kết luận rõ đối với từng hành vi phạm tội và quyết định hình phạt cho từng hành vi rồi mới quyết định hình phạt chung bắt bị cáo phải chấp hành. Nhưng cũng cần chú ý rằng, đối với những trường hợp tuy bị cáo có nhiều hành vi nhưng mỗi hành vi cũng cấu thành một tội phạm hình sự, nhưng xét thấy việc xét xử về nhiều tội là không cần thiết thì không máy móc phải xử phạt hết các tội và xử tổng hợp nhiều tội [6, tr.142 -143].

Ví dụ như hướng dẫn: *"Trong trường hợp xử bị can về nhiều tội, cần tuyên cho mỗi tội một hình phạt tương ứng rồi quyết định một hình phạt tổng hợp bắt bị can phải chấp hành. Không nên chỉ tuyên một hình phạt chung cho nhiều tội"*. Ở đây, hướng dẫn đã dùng từ "không nên" thể hiện sự chưa dứt khoát trong việc hướng dẫn các Tòa án cấp dưới quyết định hình phạt.

Tuy có hướng dẫn trên nhưng thực tế áp dụng quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội vẫn còn chưa thống nhất, vẫn còn mắc sai sót về vấn đề quyết định hình phạt và lúng túng trong cách tuyên bố việc quyết định hình phạt. Nhằm khắc phục các tình trạng đó, ngày 14/9/1973 TANDTC đã ra Công văn số 612 hướng dẫn các Tòa án địa phương quyết định hình phạt trong đó có chỉ rõ thế nào là trường hợp cộng một phần, cộng toàn bộ và thu hút hình phạt [6, tr.145-148]. Cụ thể:

Cộng một phần có nghĩa là cho phép cộng hình phạt cao nhất với một phần hình phạt còn lại thành hình phạt chung. Nguyên tắc này được áp dụng khi không thể cộng toàn bộ được vì mới cộng một phần với hình phạt nặng nhất đã đạt mức tối đa cho phép của loại hình phạt này.

Cộng toàn bộ có nghĩa là cho phép cộng toàn bộ các hình phạt thành

hình phạt chung. Nguyên tắc này được áp dụng khi có thể và cần thiết phải cộng toàn bộ các hình phạt với nhau (hình phạt chung sau khi đã cộng không vượt giới hạn mà luật cho phép đối với loại hình phạt đó).

1.3.2. Giai đoạn áp dụng Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời đánh dấu bước ngoặt phát triển của lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam, việc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đã được quy định tại Điều 41: *"Khi xét xử cùng một lần người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó quyết định hình phạt chung cho các tội. Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội nặng nhất đã phạm và trong phạm vi loại hình phạt đã tuyên"*. Quy định này đã khắc phục được nhược điểm thiếu nhất quán trong thực tiễn xét xử thời gian trước đó và đánh dấu sự trưởng thành về mặt kỹ thuật lập pháp hình sự của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Để hướng dẫn áp dụng thống nhất điều luật này, TANDTC đã ra Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 về việc hướng dẫn cách thức quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, cụ thể:

Việc quyết định hình phạt chung trong trường hợp phạm nhiều tội có thể thực hiện bằng hai cách: Thu hút hình phạt nhẹ vào hình phạt nặng nhất hoặc cộng toàn bộ hình phạt đã tuyên về từng tội hay là cộng vào hình phạt nặng nhất một phần các hình phạt đã tuyên [43].

Mặc dù, tại Công văn số 612 ngày 14/9/1973 của TANDTC đã quy định trường hợp cộng một phần, cộng toàn bộ và thu hút hình phạt nhưng tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của TANDTC lại chưa hướng dẫn rõ trường hợp nào được cộng một phần, trường hợp nào được cộng toàn bộ và trường hợp nào thì thu hút hình phạt dẫn đến việc áp dụng không thống nhất trong việc quyết định hình phạt của Tòa án các địa phương trong cả nước. Do

đó, Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 về việc hướng dẫn cụ thể việc quyết định hình phạt chung đối với người phạm tội như sau:

Về nguyên tắc cộng hình phạt Tòa án tuyên đối với các tội phạm của bị cáo thành hình phạt chung, nếu hình phạt chung không vượt quá mức cao nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với tội nặng nhất.

Nếu cộng tất cả các hình phạt đã tuyên đối với các tội phạm mà vượt mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội nặng nhất thì hình phạt chung phải là mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội nặng nhất mà không thể thấp hơn hoặc cao hơn.

Trong trường hợp các tội của bị cáo đều bị xử phạt theo khung hình phạt có mức cao nhất giống nhau thì hình phạt chung không được vượt quá mức cao nhất của khung hình phạt chung đó, việc quyết định hình phạt chung cũng theo hướng dẫn ở điểm 1 và điểm 2 nói trên [46].

Tuy việc áp dụng Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1988 của TANDTC để quyết định hình phạt theo Điều 41 BLHS năm 1985 vẫn tồn tại bất hợp lý *"Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội nặng nhất đã phạm và trong phạm vi loại hình phạt đã tuyên"* [46]. Quy định này đã hạn chế sự nghiêm khắc của pháp luật đối với những người phạm nhiều tội và cũng chưa đánh giá hết tính chất, mức độ nguy hiểm của các tội trong trường hợp phạm nhiều tội.

Để khắc phục nhược điểm này, luật đã sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/12/1989 đã sửa đổi theo hướng chặt chẽ hơn, hạn chế tình trạng tùy tiện trong việc áp dụng. Cụ thể: *"Khi xét xử cùng một lần người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó quyết định hình*

phạt cho các tội. Hình phạt chung không được vượt mức cao nhất của loại hình phạt đã tuyên". Tuy nhiên, BLHS 1985 không quy định cách thức tổng hợp hình phạt, do đó gây ra những vướng mắc khi áp dụng pháp luật, nhất là trong trường hợp phải quyết định các hình phạt khác loại.

Tóm lại, trong BLHS Việt Nam năm 1985 quy định quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đã được quy định chi tiết hơn giai đoạn trước khi có Bộ luật hình sự nhưng các quy định đó cũng chưa được hoàn thiện về kỹ thuật lập pháp, có một số quy định đã được sửa đổi nhưng không kế thừa được những quy định hợp lý của giai đoạn trước, do vậy đã dẫn đến nhiều vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật. Do đó, đòi hỏi sự bổ sung cần thiết trong BLHS mới – BLHS năm 1999.

Bước vào thập niên 90, hoàn cảnh kinh tế - xã hội nước ta có nhiều thay đổi lớn về mọi mặt, BLHS của nước cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1999 ra đời thay thế cho BLHS năm 1985 là một tất yếu khách quan. BLHS năm 1999 đã có nhiều quy định thể hiện sự thay đổi về chính sách hình sự của Nhà nước ta và cũng thể hiện được sự tiến bộ về mặt kỹ thuật lập pháp. Quy định quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội cũng có những thay đổi. Được quy định cụ thể hơn các giai đoạn trước đó, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, những quy định đó cũng chưa thật hoàn thiện nên thực tiễn áp dụng còn gặp phải những vướng mắc đòi hỏi có sự sửa đổi bổ sung cho phù hợp hơn.

Kết luận Chương 1

Qua nghiên cứu về những vấn đề lý luận và pháp luật về QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội, tác giả tập trung phân tích các khái niệm, nguyên tắc và căn cứ QĐHP đối với trường hợp phạm nhiều tội theo BLHS hiện hành. Qua đó, thấy được tính chất đặc biệt của các quy định của pháp luật về

QĐHP đối với trường hợp phạm nhiều tội, làm tiền đề cho việc nghiên cứu về thực trạng áp dụng chế định này từ thực tiễn xét xử của Toà án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng. Từ đó đưa ra những bất cập của pháp luật hình sự về QĐHP ở chương 2.

CHƯƠNG 2

THỰC TIỄN QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Thực tiễn quyết định hình phạt đúng và nguyên nhân

2.1.1 Thực tiễn quyết định hình phạt đúng trong trường hợp phạm nhiều tội

Thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng chống tội phạm, trong những năm gần đây hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật trên địa bàn Đà Nẵng đã được thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất. Chất lượng định tội danh và quyết định hình phạt đã được nâng lên. Trình độ, kỹ năng giải quyết các vụ án của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán cũng được nâng cao, hoạt động nghiệp vụ của cơ quan pháp luật được phối hợp thực hiện tốt. Thông thường, quyết định hình phạt của các cơ quan Toà án đối với mỗi vụ án diễn ra khá đơn giản, thuận lợi.

Trong thực tế về phạm nhiều tội có nhiều loại hành vi khác nhau, khi định tội danh các cơ quan tiến hành tố tụng đã phân biệt các hành vi đặc trưng trong phạm nhiều tội như:

- Các loại hành vi khác nhau cấu thành các tội khác nhau;
- Một hành vi phạm tội cấu thành các tội khác nhau;
- Hành vi phạm tội cấu thành một tội phạm và thủ đoạn của hành vi phạm tội đó cấu thành thêm một tội phạm khác.

Bảng 2.1. Thống kê số liệu án hình sự nổi cộm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (2012-2016)

Tội danh	Điều luật	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
		2012	2013	2014	2015	2016
		số vụ/số bị cáo	số vụ/số bị cáo	số vụ/số bị cáo	số vụ/số bị cáo	số vụ/số bị cáo
Giết người	93	19/38	17/30	18/54	8/13	11/24
Cố ý gây thương tích	104	90/132	95/134	84/171	75/108	107/226
Hiếp dâm	111	3/4	4/5	2/3	5/5	2/4
Giao cấu với trẻ em	115	7/7	5/5	3/3	7/7	1/1
Cướp tài sản	133	78/108	73/92	15/27	10/20	10/31
Cưỡng đoạt tài sản	135	12/18	29/36	11/23	7/10	9/11
Cướp giật tài sản	136	84/98	93/115	20/41	28/40	26/39
Trộm cắp tài sản	138	53/66	42/54	277/420	236/355	239/358
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	139	8/12	7/9	58/73	57/75	47/63
Tàng trữ, vận chuyển, mua bán ma túy	194	112/165	98/126	111/164	124/210	139/187
Vi phạm giao thông đường bộ	202	58/58	42/42	54/57	53/63	68/68
Đánh bạc	248	26/65	24/58	19/114	19/101	13/102
Tổng		561/807	536/723	672/1150	629/1007	672/1114

(Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Trong 5 năm (từ 2012 đến 2016), Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã thụ lý, giải quyết khoảng 3.259 vụ/5.211 bị cáo. Tình hình tội phạm biến động không theo quy luật nhất định; Trong 2 năm 2012 và 2013 các nhóm phạm tội có chiều hướng giảm cả về số lượng lẫn số người phạm tội; Năm 2012 số vụ án nổi cộm đã thụ lý, giải quyết là 561 vụ/ 807 bị cáo; Năm 2013 là 536 vụ/ 723 bị cáo. Tuy nhiên trong 3 năm 2014, 2015 và 2016 tình hình phạm tội ngày càng tăng cả về số vụ và số bị cáo, diễn biến phức tạp và có tính chất chuyên nghiệp, nguy hiểm hơn trước. Đặc biệt là các loại vụ án về ma túy, đánh bạc ... cũng là nguyên nhân của các tội phạm khác, đối tượng phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng gia tăng. Phạm nhiều tội, phạm tội nhiều lần trở lên khá phổ biến.

Bảng 2.2. Thống kê số vụ án phạm nhiều tội phổ biến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (2012- 2016)

Tội danh	Nhóm Điều luật	Số liệu xét xử 5 năm(vụ)	Số bị cáo phạm nhiều tội	Tỷ lệ phạm nhiều tội (%)
Giết người + Cướp tài sản	93 + 133	58	18	31.0
Cướp tài sản + Cường đoạt tài sản	133+135	132	47	35.6
Giết người + Gây rối trật tự công cộng	93 + 254	61	12	19.7
Trộm cắp tài sản + Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	138+139	315	76	24.1
Cướp giạt tài sản + Cố ý gây thương tích	136+104	248	53	21.3
Trộm cắp tài sản + Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	138 +250	181	55	30.4

Tội danh	Nhóm Điều luật	Số liệu xét xử 5 năm(vụ)	Số bị cáo phạm nhiều tội	Tỷ lệ phạm nhiều tội (%)
Tàng trữ, vận chuyển, mua bán ma túy + Trộm cắp tài sản	194 +138	107	36	33.6
Tàng trữ, vận chuyển, mua bán ma túy + Giết người	194+93	421	69	16.7
Đánh bạc + Tổ chức đánh bạc	248+249	100	32	32.0

(Nguồn: Văn Phòng Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Qua nghiên cứu bảng 2.2: Bảng thống kê số liệu về số bị cáo phạm nhiều tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm 2012-2016, có thể thấy năm năm gần đây hiện tượng phạm nhiều tội biến động mạnh mẽ và theo xu hướng tăng lên rõ rệt. Nếu như trước đây, người phạm tội ở mức độ ít nghiêm trọng, thì hiện nay mức độ nguy hiểm cao hơn, thủ đoạn phạm tội tinh vi, xảo quyệt, hành động liều lĩnh hơn, tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng xuất hiện ngày càng nhiều, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn và nguy hiểm cho xã hội lớn hơn. Tổng số án qua 5 năm: 5.211 bị cáo, thì có 398 bị cáo phạm nhiều tội, tỷ lệ chung phạm nhiều tội là 7.63%. Số bị cáo này tập trung chủ yếu nhất vào các tội "cướp tài sản", "trộm cắp tài sản", "mua bán trái phép chất ma túy", "đánh bạc"... tập trung nhiều nhất ở địa bàn các quận Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà... Nhìn chung, các loại án có số vụ và số bị cáo cao thì tỷ lệ phạm nhiều tội cũng cao, tập trung ở nhóm tội phạm về ma túy, đánh bạc như: "cướp tài sản", "trộm cắp tài sản", "đánh bạc", "Cướp giật tài sản", "tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy"...

Trong quá trình giải quyết, xét xử án hình sự nói chung và các vụ án phạm nhiều tội nói riêng, Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã tuân thủ các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và các

văn bản hướng dẫn luật..., đưa các vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng ra xét xử, một số đơn vị được tăng thẩm quyền đã thực hiện rất tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, tổ chức phiên Tòa theo đúng tinh thần cải cách tư pháp, góp phần giữ vững tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đó là các vụ án Phạm Đình Dương, Lê Văn Hòa phạm tội “*giết người*”, “*cướp tài sản*”; Lê Bá Công cùng đồng phạm phạm tội “*cố ý gây thương tích*”; Phạm Thị Nga và Lê Phú Cường phạm tội “*mua bán trái phép chất ma túy*” ...,

Đối với những vụ án mà bị cáo bị đưa ra xét xử nhiều tội, khi quyết định hình phạt Tòa án đã áp dụng Điều 50 BLHS để quyết định hình phạt chính, cũng như quyết định hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Nhìn chung hầu hết các vụ án được định tội danh và quyết định hình phạt chính xác.

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo phạm nhiều tội, về nguyên tắc Hội đồng xét xử quyết định hình phạt của bị cáo theo từng tội, quyết định hình phạt chính trước tiên, việc quyết định hình phạt đối với từng tội là tiền đề, điều kiện bắt buộc để tiến hành quyết định hình phạt chung cho các tội phạm mà bị cáo đã phạm.

Khi quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội Tòa án cũng đã áp dụng đúng và đầy đủ các phương pháp tổng hợp hình phạt.

+ Đối với phương pháp cộng hình phạt, Tòa án đã áp dụng khi có thể cộng được các hình phạt của các tội miễn là các hình phạt đều cùng loại (hoặc có thể quy về cùng loại) và hình phạt chung không vượt quá giới hạn luật quy định. Nguyên tắc cộng hình phạt thể hiện rõ nét trách nhiệm hình sự của bị cáo đối với từng tội mà bị cáo đã phạm.

Chẳng hạn: Trong 2 tháng 7 và 8 năm 2015 Bùi Đức Mười cùng đồng bọn thực hiện 17 vụ trộm cắp và tiêu thụ xe máy trên các địa bàn quận Ngũ Hành Sơn quận Liên Chiểu, huyện Hòa Vang thuộc thành phố Đà Nẵng và

huyện Điện Bàn của tỉnh Quảng Nam, chiếm đoạt tổng cộng 380 triệu đồng. Theo bản án số 60/2015/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng áp dụng khoản 3 Điều 138, điểm a khoản 2 Điều 250 BLHS tuyên phạt Bùi Đức Mười 10 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 2 năm 06 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Áp dụng nguyên tắc cộng hình phạt, HĐXX buộc Bùi Đức Mười phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 13 năm tù.

Hay như vụ án có nội dung: Trong năm 2013 và 2014, Vũ Văn Tam với vai trò chủ mưu, cầm đầu đã thuê các bị cáo Đỗ Văn Lưu, Vũ Văn Quý, Nguyễn Văn Vụ, Đinh Văn Thuận, Phạm Văn Chính, Vũ Văn Pháp, Nguyễn Văn Học cưa hạ cây Kiền Kiền trong rừng Cà Nhông thuộc rừng Đặc dụng Bà Nà – Núi Chúa và bán cho Phạm Đình Lợi. Trong 03 đợt các bị cáo đã khai thác tổng số là 104 cây Kiền Kiền với khối lượng 100,33m³ gỗ tròn cưa xẻ thành 1.461 thanh có kích cỡ (5,4x25x300) cm, Phạm Đình Lợi đã thuê xe của Kiều Ngọc Trung, Kiều Ngọc Quý do Sầm Tô Bình điều khiển vận chuyển gỗ ra khỏi rừng và chở về bán cho nhiều người, gây thiệt hại 154,350 m³ gỗ tròn cây đứng nguyên khai. Theo Kết luận số 246/HĐ ĐGTSTTTHS ngày 10/12/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Đà Nẵng xác định tổng giá trị thiệt hại là 847.568.400đ .

Ngoài ra Vũ Văn Tam còn có hành vi đặt vấn đề đưa tiền với các nhân viên Trạm bảo vệ rừng Cà Nhông và nhân viên Kiểm lâm tăng cường cho địa bàn Trạm để được vào rừng khai thác gỗ trái phép, Tam đã đưa tiền và các bị cáo Phạm Phú Cường, Hồ Tấn Hai, Thủy Ngọc Trọng, Nguyễn Văn Ân, Lý Thanh Tùng, Nguyễn Văn Nhung, Đinh Ngọc Bán đã nhận tiền của Tam tổng cộng là 30.000.000đ. Hành vi của các bị cáo Phạm Phú Cường, Hồ Tấn Hai, Thủy Ngọc Trọng, Nguyễn Văn Ân, Lý Thanh Tùng, Nguyễn Văn Nhung,

Đinh Ngọc Bán đã phạm tội “ Nhận hối lộ” qui định tại Điều 279 BLHS, hành vi của bị cáo Vũ Văn Tam đã phạm tội “Đưa hối lộ” qui định tại Điều 289 BLHS. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2016/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2016 Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng áp dụng khoản 2 Điều 175, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 2 Điều 46 BLHS, điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 109/2015/QH13 tuyên phạt Vũ Văn Tam 5 năm tù về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”, áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 289 BLHS, điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 109/2015/QH13 tuyên phạt Vũ Văn Tam 15 tháng tù về tội “Đưa hối lộ”. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 50 BLHS tổng hợp hình phạt về 02 tội bị cáo Vũ Văn Tam phải chấp hành là 6 năm 03 tháng tù.

Qua công tác giám đốc, kiểm tra án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng cho thấy ngày càng có nhiều bị cáo phạm từ ba tội trở lên. Trong trường hợp này thì việc quyết định hình phạt cũng được tiến hành theo những gì đã nói ở trên, trong đó có thể áp dụng đồng thời cả hai phương pháp tổng hợp hình phạt (phương pháp thu hút và phương pháp cộng hình phạt).

Chẳng hạn bị cáo phạm từ 3 tội trở lên và áp dụng phương pháp cộng hình phạt. Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2015 đến tháng 8 năm 2015, Nguyễn Văn Nghĩa, Trần Công Tây cùng đối tượng tên Nam (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) đã nhiều lần tổ chức thực hiện hành vi phạm tội trong đó: Trộm cắp 04 vụ, Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 02 vụ, cố ý gây thương tích 01 vụ. Theo bản án số 29/2016/HSST ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã quyết định áp dụng: điểm a, e khoản 2 Điều 138; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, xử phạt: Trần Công Tây 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, xử phạt Trần Công Tây 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp

dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, xử phạt Trần Công Tây 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng điều 50 BLHS, tổng hợp hình phạt của cả 03 tội buộc bị cáo phải chấp hành là 06 (sáu) năm tù.

+ Đối với phương pháp thu hút hình phạt, đây là phương pháp thể hiện việc thu hút hình phạt nhẹ vào hình phạt nặng. Thực tiễn xét xử cho thấy phương pháp này được áp dụng trong trường hợp khi các tội đã thực hiện có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau thể hiện ở chỗ các mức hình phạt đã tuyên cho từng tội rất chênh lệch khác nhau hoặc khi Tòa án (Hội đồng xét xử) quyết định hình phạt cho từng tội với các hình phạt khác loại mà không thể chuyển đổi thành cùng loại để cộng hoặc cũng không thể chấp hành đồng thời được. Đối với phương pháp này thường được áp dụng khi hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tù chung thân hoặc tử hình. Trong trường hợp nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tù chung thân thì hình phạt chung sẽ là tù chung thân. Trong trường hợp nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt tử hình sẽ là hình phạt chung. Vụ án dưới đây là một minh chứng:

Phan Minh Tuấn là người đã có vợ, con nhưng có quan hệ nam nữ bất chính với chị Hồ Thị Hoàng Gia Trang (trú tại: phường Thuận Phước, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng), khi quan hệ với Tuấn chị Trang xưng tên mình với Tuấn là Ngọc, vào khoảng cuối tháng 10 năm 2013 chị Trang (Ngọc) nói với Tuấn là mình có thai và yêu cầu Tuấn đưa 10.000.000đ để xử lý thai, nếu Tuấn không đưa tiền thì Trang sẽ báo với gia đình của Tuấn. Do không có tiền để đưa cho Trang nên Tuấn sợ Trang báo với gia đình của Tuấn biết sẽ ảnh hưởng đến hạnh phúc nên Phan Minh Tuấn nảy sinh ý định giết chị Trang để giấu kín thông tin này. Đến khoảng 15 giờ ngày 03.11.2013, Tuấn nhắn tin, hẹn chị Trang (Ngọc) đến nhà nghỉ "Xinh Xinh" số 642 Ngô

Quyền, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng, sau đó Tuấn chuẩn bị 01 cái búa giấu trong người đi đến nhà nghỉ "Xinh Xinh" thuê phòng 201 giấu cái búa dưới gối nằm đợi chị Trang đến. Khoảng 16 giờ cùng ngày, chị Trang (Ngọc) đi xe máy Attila màu đỏ - đen đến nhà nghỉ, vào phòng 201 nằm với Tuấn. Tại đây Tuấn dùng tay phải lấy cái búa đập vào đầu chị Trang, chị Trang vùng vẫy chống lại và cào cấu vào cổ và lưng của Tuấn, Tuấn dùng tay trái bịt miệng và tay phải cầm búa đánh tiếp vào đầu chị Trang làm chị Trang ngã xuống đất, sợ người khác nghe thấy tiếng kêu cứu của chị Trang nên Tuấn lấy khăn có sẵn nhét vào miệng và tiếp tục dùng búa đập vào đầu chị Trang cho đến khi chị Trang chết. Sau đó, Tuấn vào phòng vệ sinh rửa sạch vết máu trên người và cây búa, đồng thời lục lấy tài sản của chị Trang gồm: 01 ĐTDĐ Iphone màu đen; 02 tờ tiền mệnh giá 2USD, 332.000 VNĐ và chiếc chìa khóa của xe máy rồi xuống lấy chiếc xe mô tô của chị Trang BKS 43C1-30344 để ra khỏi nhà nghỉ đi đến đường Trần Hưng Đạo và bỏ xe lại trên vỉa hè gần bờ sông Hàn -TP Đà Nẵng, rồi đi bộ về nhà, giấu cái búa dùng để gây án, tại phòng tắm. Hành vi của bị cáo đã phạm vào hai tội "*Giết người*" và "*Cướp tài sản*". Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2014/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2014 Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tuyên án đối với bị cáo tử hình về tội "*Giết người*" và năm năm tù về tội "*Cướp tài sản*". Hình phạt chung trong trường hợp này là "*tử hình*".

Hay như vụ án có nội dung: Cao Văn Mạnh và Mai Thị Cúc có quan hệ tình cảm từ năm 2010. Đến khoảng tháng 6/2014 thì bà Cúc chấm dứt quan hệ với Cao Văn Mạnh. Mặc dù Mạnh đã nhiều lần liên hệ để được gặp bà Cúc nhưng bà Cúc từ chối, không những lánh mặt mà còn không nghe điện thoại của Mạnh gọi đến, nên Cao Văn Mạnh ghen tuông, tức giận bà Cúc. Khoảng 06h30' ngày 27/7/2014, Cao Văn Mạnh lấy trộm xe mô tô BKS 75K1 – 0374

của Nguyễn Đình Sâm (cách nhà Mạnh 1km) để đi đến nhà bà Cúc. Trên đường đi, Mạnh dừng lại ở đường Tôn Đức Thắng, thành phố Đà Nẵng mua một lốc sữa và gọi điện thoại cho bà Cúc nhiều lần nhưng bà Cúc không nghe. Do vì quá ghen tuông, tức giận nên Cao Văn Mạnh đã nảy sinh ý định giết bà Cúc, sau đó uống thuốc trừ sâu để tự tử. Để thực hiện ý định của mình, Mạnh đã vào chợ Hòa Khánh mua một con dao nhọn và một chai thuốc trừ sâu rồi đi đến nhà bà Cúc, Mạnh thấy bà Cúc đang ngồi rửa chén ở giếng nước phía trước nhà. Lúc này, Cao Văn Mạnh gặng hỏi và có những lời lẽ trách móc bà Cúc, hai bên lời qua tiếng lại. Trong lúc cãi nhau, Mạnh rút dao đã chuẩn bị sẵn từ trong túi quần ra và đâm 02 nhát vào lưng của bà Cúc theo hướng từ sau ra trước, thủng lồng ngực, thủng tim và thủng thùy phổi. Nghe tiếng bà Cúc kêu cứu, anh Nguyễn Xuân Dũng (con trai bà Cúc), Trương Văn Vân và Nguyễn Thị Diệu Anh Ly Ly là người thuê trọ tại nhà bà Cúc chạy đến đưa bà Cúc đi bệnh viện cấp cứu. Sau khi đâm bà Cúc, Cao Văn Mạnh rút dao rồi mở chai thuốc trừ sâu uống. Khi công an phường Hòa Khánh Bắc đến hiện trường, kiểm tra thì phát hiện Cao Văn Mạnh bị ngất xỉu đang nằm trong lùm cây của một nhà bỏ hoang cách nhà bà Cúc khoảng 20m, miệng sùi bọt mép và có mùi thuốc trừ sâu nồng nặc nên đã đưa Cao Văn Mạnh đi bệnh viện cấp cứu, ông Mạnh đã được Bác sĩ bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng cứu sống. Bà Cúc tử vong. Chiếc xe Mạnh lấy trộm trị giá 4,5 triệu đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào hai tội "*Giết người*" và tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm q khoản 1 Điều 93 và khoản 1 Điều 138 BLHS. Theo bản án hình sự sơ thẩm số 40/2014/HSST ngày 15/11/2014 Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tuyên án đối với bị cáo tù chung thân về tội "Giết người" và 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Hình phạt chung trong trường hợp này là tù "*chung thân*".

- *Quyết định hình phạt bổ sung với phạm nhiều tội:*

Khi áp dụng hình phạt bổ sung Tòa án đã áp dụng chính xác theo quy định của BLHS. Do vậy, ngoài hình phạt chính được áp dụng đúng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo, thì hình phạt bổ sung cũng góp phần không nhỏ vào việc răn đe phòng, chống tội phạm.

+ Đối với hình phạt bổ sung cùng loại, khi xét xử bị cáo phạm nhiều tội và HĐXX quyết định hình phạt bổ sung đối với từng tội thì hình phạt chung nằm trong giới hạn do BLHS quy định đối với hình phạt đó và khi tổng hợp Tòa án (Hội đồng xét xử) thông thường cộng các hình phạt đó lại. Theo quy định đối với loại hình phạt thì mức phạt tiền không thấp hơn một triệu đồng, thời hạn cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế không quá năm năm.

Chẳng hạn: Phạm Tấn Tài bị xử phạt ba năm quản chế về Tội "*tàng trữ trái phép vật liệu nổ*" theo khoản 5 Điều 232 BLHS và ba năm quản chế về tội "*cướp tài sản*" theo khoản 5 Điều 133 BLHS, tại bản án số 23/2015/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2015 Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang buộc Tài phải chấp hành hình phạt bổ sung là năm năm quản chế, vì theo Điều 38 BLHS hình phạt quản chế có mức tối đa là năm năm.

+ Đối với hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, thì mức hình phạt tiền khi quyết định tổng hợp hình phạt, Hội đồng xét xử quyết định cộng toàn bộ các hình phạt tiền và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung bằng tổng số tiền hình phạt đó và mức hình phạt tiền đã tuyên không giới hạn mức tối đa, tuy nhiên mức tối thiểu là không dưới một triệu đồng.

Chẳng hạn: Đặng Công Tâm phạm tội "*đánh bạc*", tội "*tổ chức đánh bạc*". Ngoài hình phạt chính bị phạt hai mươi triệu đồng, thì Tòa án còn buộc bị cáo Tâm nộp năm triệu đồng hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 248 BLHS sửa đổi bổ sung năm 2009, trong trường hợp này tại bản án số 36/2015/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2015 Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án

nhân dân huyện Hòa Vang buộc Tâm phải chấp hành hình phạt chung là hai mươi lăm triệu đồng.

+ Đối với các hình phạt bổ sung khác loại thì khi quyết định hình phạt Tòa án nhân dân đã áp dụng Điều 50 BLHS, tức là không quyết định hình phạt chung mà bị cáo phải chấp hành toàn bộ các hình phạt đã tuyên và được chấp hành đồng thời với nhau trong bản án. Ví dụ: Trương Văn Tuấn bị xử phạt 24 tháng tù về tội “Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 2 Điều 202 BLHS và 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tại bản án số 53/2015/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2015 HĐXX sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang tuyên hình phạt bổ sung đối với “Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” là cấm hành nghề lái xe trong thời hạn 3 năm theo khoản 5 Điều 202 BLHS và phạt 10 triệu đồng đối với tội “Đánh bạc” theo khoản 3 Điều 248 BLHS. Buộc bị cáo Tuấn phải chấp hành cả hai hình phạt bổ sung là: cấm hành nghề lái xe trong thời hạn ba năm và mười triệu đồng.

2.1.2. Nguyên nhân của quyết định hình phạt đúng trong trường hợp phạm nhiều tội

Công tác xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua có những tiến bộ rõ rệt, chất lượng xét xử ngày càng cao. Hội đồng xét xử nêu cao tinh thần trách nhiệm và thận trọng trong khi áp dụng pháp luật, quyết định hình phạt nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đặc biệt các quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đều được quyết định chính xác, tương ứng với từng hành vi phạm tội của người phạm tội. Đạt được những kết quả nêu trên là do các yếu tố sau:

- Trên tinh thần thực hiện nghị quyết số 63/2013/QH14 của Quốc hội về tăng cường biện pháp đấu tranh, phòng chống tội phạm và Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng

dẫn áp dụng Điều 60 BLHS, Tòa án hai cấp thành phố Đà Nẵng thống nhất áp dụng pháp luật, xét xử nghiêm minh, quyết định hình phạt nghiêm khắc đối với những kẻ chủ mưu cầm đầu, đối với tội phạm về tham nhũng áp dụng hình phạt thích đáng góp phần đáp ứng yêu cầu phòng chống tham nhũng của cả nước.

- Các phán quyết của Tòa án đều căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã thu thập được nên đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Không có tình trạng lạm dụng các tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt nhẹ. Các trường hợp cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ đều được cân nhắc chắc chắn, phù hợp với quy định của pháp luật. Các vụ án đã xét xử đều đảm bảo tính công khai, dân chủ, bình đẳng, khách quan. Mọi quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đều đảm bảo đúng nguyên tắc theo quy định của luật.

- Lãnh đạo Tòa án hai cấp thành phố thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ làm công tác xét xử tham dự các lớp tập huấn do TANDTC, Học viện Tòa án tổ chức nhằm củng cố, nâng cao trình độ chuyên môn để thực hiện tốt công việc.

- Công tác sơ, tổng kết rút kinh nghiệm được duy trì và thực hiện thường xuyên theo kế hoạch hằng quý, hằng năm, thông qua đó tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình giải quyết án đồng thời quán triệt các cán bộ làm công tác xét xử cần nâng cao cả về chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

2.2. Khó khăn, vướng mắc, sai lầm trong quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và nguyên nhân

2.2.1. Khó khăn, vướng mắc, sai lầm trong quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Bên cạnh những thành quả đã đạt được, trong quá trình thực hiện chức

năng, nhiệm vụ giải quyết, xét xử án hình sự Tòa án không thể tránh khỏi một số thiếu sót, sai lầm trong đó có cả những thiếu sót, sai lầm trong quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Nhận xét về quyết định hình phạt của Tòa án cả nước trong những năm gần đây, Tòa án nhân dân tối cao đã chỉ ra nguyên nhân của việc quyết định hình phạt còn chưa đúng: "Việc quyết định hình phạt có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là không thực hiện đúng các quy định tại Điều 45 BLHS 1999" nghĩa là thực hiện không đúng các căn cứ quyết định hình phạt.

Bảng 2.3. Thống kê kết quả xét xử phúc thẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (2012-2016)

Năm	Số vụ, bị cáo đã xét xử phúc thẩm	Số vụ, bị cáo có kháng cáo, kháng nghị		Quyết định hình phạt đối với vụ, bị cáo	
		Nhiều tội	Đình chỉ, giữ nguyên bản sơ thẩm	Sửa án	Hủy án
2012	196/282	105/150	89/136	15/12	1/2
2013	214/289	130/161	121/130	9/31	0
2014	262/448	131/184	123/170	6/11	2/3
2015	264/423	127/159	119/137	7/21	1/1
2016	281/393	132/176	121/134	8/35	3/7

(Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Thực tiễn quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cho thấy có những bất cập, vướng mắc sau đây:

- Liên quan đến việc quyết định hình phạt đối với các tội ghép quy định tại các Điều như 274, 275, 194, 195, 250, 143 thực tiễn xét xử có khó khăn trong trường hợp bị cáo thực hiện hai hành vi được quy định thì định một tội để quyết định hình phạt hay định thành nhiều tội rồi tổng hợp hình phạt?

Khi định tội danh và quyết định hình phạt về các tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 250 BLHS hay tội “*mua bán trái phép chất ma túy*”, tội “*chiếm đoạt chất ma túy*” theo Điều 194 BLHS. Đây cũng là một tội của điều luật ghép.

Tại chương XVIII BLHS năm 1999 thì hành vi sản xuất trái phép chất ma túy, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy được định tội danh thành hai điều luật là: Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 193 BLHS); Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy (Điều 194 BLHS). Trong trường hợp này mà thực hiện hai hành vi thì bị kết án về hai tội và hình phạt được quyết định theo Điều 50 BLHS “*Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội*”. Nhưng mặt khác, việc quy định tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt trái phép chất ma túy” cũng đã gây khó khăn cho việc định tội danh một cách chính xác nhất.

Chẳng hạn: Từ năm 2012 đến năm 2016, một số Tòa án khi xét xử những trường hợp tại Điều 274, 275, Điều 250 BLHS và chương các tội phạm về ma túy, khi xét xử bị cáo phạm nhiều tội, có một trường hợp khi tuyên bị cáo phạm hai tội nhưng chỉ có một hình phạt (không tuyên từng tội, hoặc tuyên từng tội khi quyết định hình phạt thì lại không tổng hợp hình phạt chung hoặc tổng hợp hình phạt chung thì lại không áp dụng Điều 50 BLHS). Qua tìm hiểu thực tiễn công tác xét xử, đây là tình trạng chung của nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước vẫn mắc phải.

Đó là trường hợp: Vụ án Hoàng Xuân Vinh cùng đồng bọn bị Tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử và tuyên bị cáo Vinh phạm các tội “Trộm cắp tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Vinh kháng cáo, Tòa án

cấp phúc thẩm nhận định: Đối với xe mô tô Air Blade BKS 43D1-284.72, mặc dù Hoàng Xuân Vinh biết xe mô tô này do Nghĩa và Nam trộm cắp mà có nhưng Vinh vẫn đồng ý cất dấu tại phòng trọ do Nghĩa nhờ Vinh thuê giúp, sau đó Vinh cùng Nghĩa nhiều lần sử dụng xe mô tô này làm phương tiện để thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản khác (vụ thứ 2, vụ thứ 4). Đến ngày 06/8/2015 Nghĩa và Vinh gỡ biển kiểm soát và đem bán chiếc xe này cho Trần Thị Thùy Trang. Như vậy, mặc dù Hoàng Xuân Vinh có hành vi giúp sức cất dấu xe mô tô này cho Nghĩa nhưng việc cất dấu nhằm mục đích để sử dụng và sau đó bán lại cho người khác. Chuỗi hành vi liên tiếp - cất dấu, sử dụng và đem bán cho người khác đối với cùng một đối tượng là xe mô tô Air Blade BKS 43D1-284.72 của bị cáo Hoàng Xuân Vinh chỉ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 BLHS nhưng cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về 02 tội danh – tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là không chính xác. Tại bản án số 16/2015/HSPT ngày 22 tháng 4 năm 2015 Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 BLHS.

Mặt khác, khi thực hiện việc thống kê tổng hợp án hình sự cũng gặp nhiều khó khăn khi không tách riêng từng tội phạm cụ thể mà gộp chung trong một điều luật, từ đó gây khó khăn cho việc nắm bắt tình hình tội phạm thực tế, nhất là trong giai đoạn hiện nay.

- Liên quan đến người chưa thành niên phạm nhiều tội, thực tiễn xét xử án hình sự đã có một số vướng mắc như: Vụ án đối với người chưa thành niên phạm tội, khi xét xử có bị cáo phạm nhiều tội, có tội thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi. Ví dụ dưới đây là một minh chứng:

Phan Văn Kiều Hưng tính đến ngày thực hiện hành vi “*cướp tài sản*” theo khoản 3 Điều 133 BLHS là 17 tuổi 06 tháng. Sau đó, bị cáo Hưng lại phạm tội “*cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 135 BLHS khi 18 tuổi 20 ngày. Bị cáo Hưng bị truy tố và xét xử cùng một lần về hai tội và bị xử phạt 13 năm tù về tội “*cướp tài sản*” và 08 năm tù về tội “*cưỡng đoạt tài sản*”. Trong trường hợp này, người phạm tội bị xét xử và tuyên hình phạt đối với từng tội, nên có nhiều điều luật được áp dụng. Vậy phải căn cứ vào điều luật nào để xác định mức hình phạt tù tối đa được áp dụng cho các tội ?

Trường hợp này, tác giả cho rằng, quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó căn cứ vào Điều 50 và Điều 75 của BLHS để tổng hợp hình phạt. Mặt khác, cũng phải có căn cứ vào điều luật được áp dụng đối với tội nặng nhất trong số các tội bị xét xử theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/NQ- HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xác định tội nặng hơn, tội nhẹ hơn, bởi lẽ mức hình phạt tối đa của các tội không thể nhẹ hơn mức hình phạt tối đa của tội nặng nhất trong số các tội đó.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn phân xét xử sơ thẩm, để xác định tội nặng hơn, tội nhẹ hơn thì tội “*cướp tài sản*” nặng hơn tội “*cưỡng đoạt tài sản*”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 và Khoản 1 Điều 75 của BLHS, mức hình phạt tù tổng hợp của hai tội bị giới hạn không vượt quá 3/4 mức hình phạt tù cao nhất của điều luật được áp dụng. Trong trường hợp này, mức hình phạt tù tổng hợp của hai tội không được vượt quá 3/4 mức hình phạt tù cao nhất của khoản 3 Điều 133 BLHS, tức là không vượt quá 15 năm tù (3/4 của 20 năm tù = 15 năm tù). Nếu không bị giới hạn bởi mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74 và Điều 75 BLHS, hình phạt tù chung của hai tội này là 13 năm + 8 năm = 21 năm, nhưng do bị giới hạn như trên nên hình phạt chung của hai tội trong trường hợp này là 15 năm tù.

Theo quy định của BLHS năm 1999 thì giới hạn mức hình phạt tù tối đa theo Điều 74 và Điều 75 của BLHS chỉ có thể chấp nhận được trong trường hợp tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên, sau khi thành niên người này lại phạm một hoặc nhiều tội mà hình phạt đối với tội hoặc hình phạt tổng hợp của các tội thấp hơn hoặc bằng mức hình phạt tối đa quy định tại Điều 74 của Bộ luật này. Nhưng thực tế vẫn có trường hợp hình phạt đối với tội hoặc hình phạt tổng hợp của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên cao hơn mức hình phạt tối đa theo quy định, thì quy định tại khoản 1 Điều 75 đã bộc lộ rõ sự bất hợp lý. Điều bất hợp lý ở đây là hình phạt của tội hoặc của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên cao hơn mức hình phạt cao nhất theo quy định tại Điều 74 của BLHS, nhưng khi tổng hợp hình phạt này với hình phạt của tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội chưa thành niên, thì hình phạt chung của tất cả các tội lại thấp hơn hình phạt của tội hoặc của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên (chỉ bằng mức tối đa theo Điều 74 của BLHS).

Chẳng hạn: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2012/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thì Lê Ngọc Tú phạm tội giết người theo khoản 1 Điều 93 BLHS khi 17 tuổi 10 tháng, sau đó Tú lại phạm tội cướp tài sản theo khoản 3 Điều 133 BLHS khi 18 tuổi 01 tháng và tội Trộm cắp tài sản theo khoản 3 Điều 138 BLHS. Tòa án đưa bị cáo ra xét xử trong một lần về 3 tội trên và tuyên phạt 13 năm tù về tội giết người, 12 năm tù về tội cướp tài sản, 8 năm về tội trộm cắp tài sản. Trong trường hợp này, tội nặng nhất là tội giết người, có mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình, nhưng khi thực hiện Tú chưa thành niên. Do đó, hình phạt chung của các tội trên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 và khoản 1 Điều 75 có mức tối đa là 18 năm tù. Trong khi đó, hình phạt chung của hai tội: Tội cướp tài sản và tội trộm cắp tài sản là 12 năm + 8 năm = 20 năm. Nhưng khi quyết định

hình phạt của hai tội này với hình phạt 13 năm tù của tội giết người theo quy định của Điều 74 và Điều 75 BLHS, thì hình phạt chung Tú phải chịu là 18 năm tù, ít hơn hình phạt chung của hai tội Tội cướp tài sản và tội trộm cắp tài sản là không hợp lý.

2.2.2. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

2.2.2.1. Những nguyên nhân trong quy định pháp luật và nhận thức pháp luật

- Quy định của BLHS về tổng hợp hình phạt cũng còn thiếu tính hệ thống, tính thống nhất. Các Điều 31, Điều 33 quy định mức tối đa của cải tạo không giam giữ là 3 năm, của tù có thời hạn là 20 năm. Nhưng không dựa trên cơ sở nào các nhà làm luật lại ấn định mức phạt tối đa của cải tạo không giam giữ cũng vẫn là 3 năm, trong khi mức tối đa của hình phạt tù lại là 30 năm khi tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, (điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS).

- Chính sách xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội chưa được hoàn thiện, quy định về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội trong trường hợp tội phạm được thực hiện tại các thời điểm trước và sau khi thành niên còn chưa hợp lý.

- Trong thực tiễn, việc quyết định hình phạt bổ sung cũng còn có nhận thức chưa chính xác. Điểm a khoản 2 Điều 50 BLHS quy định đối với hình phạt bổ sung “*Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật này quy định đối với loại hình phạt đó*”. Tuy nhiên, nhiều Tòa án lại cho rằng “*giới hạn*” mà Bộ luật quy định là mức tối đa của hình phạt và việc tổng hợp hình phạt bổ sung được thực hiện bằng cách cộng các hình phạt thành hình phạt chung và hình phạt chung không vượt quá mức cao nhất của loại hình phạt tổng hợp.

Nhận thức và thực tiễn trên là không đúng với pháp luật. Khoản 1 Điều 50 BLHS quy định khi quyết định hình phạt chính, các Tòa án cộng các hình

phạt; còn khoản 2 Điều luật quy định khi quyết định hình phạt bổ sung, các Tòa án quyết định hình phạt chung trong giới hạn loại hình phạt được tổng hợp. Như vậy, luật cho phép Tòa án tùy nghi quyết định hình phạt chung và không nhất thiết giới hạn bởi mức tối đa của loại hình phạt. Ví dụ, khi quyết định hai hình phạt quản chế ba năm và năm năm, Tòa án có thể quyết định hình phạt chung trong khoảng cách từ ba năm đến năm năm, mà không nhất thiết phải là năm năm.

- Việc quy định các tội phạm kép trong BLHS cũng làm cho việc nhận thức và áp dụng việc định tội danh cũng như quyết định hình phạt gặp khó khăn; nhất là khó phân biệt trong trường hợp nào thì định danh kép và quyết định một hình phạt, trong trường hợp nào thì định các tội danh độc lập và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

- Theo quy định của pháp luật tố tụng thì Hội đồng giám đốc thẩm không có thẩm quyền sửa các bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới nên khi phát hiện có sai phạm nghiêm trọng thì HĐXX chỉ có thẩm quyền hủy các bản án, quyết định đó để giải quyết lại vụ án, do đó tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy nhiều hơn.

2.2.2.2. Nguyên nhân về tổ chức cán bộ

- Số lượng các loại vụ án và đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm mà hệ thống Tòa án nhân dân phải thụ lý giải quyết trong thời gian qua là rất lớn, áp lực công việc ngày càng tăng nhưng số lượng cán bộ, Thẩm phán của đại đa số các Tòa án chưa đủ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ.

- Năng lực chuyên môn của cán bộ làm công tác xét xử còn hạn chế. Tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ, công chức Tòa án, kể cả một số lãnh đạo Tòa án nhân dân địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay, dẫn tới hiệu quả công tác xét xử về chuyên môn của đơn vị chưa cao. Còn có những cán

bộ, Thẩm phán chưa vững vàng về bản lĩnh chính trị, nghề nghiệp, thiếu kiên quyết trong công việc bảo vệ pháp luật, bảo vệ công lý, chưa thực hiện nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử nên dẫn đến việc giải quyết vụ án không đúng pháp luật.

- Việc tổ chức công tác xét xử, quản lý điều hành các công tác khác ở một số Tòa án chưa hợp lý. Công tác đào tạo, đào đạo lại, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân vẫn còn hạn chế, đạt hiệu quả chưa cao. Một số Tòa án chưa kịp thời chủ động đề ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác xét xử, chậm khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, nhất là trong công tác xét xử.

- Đạo đức nghề nghiệp của một số Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân chưa tốt. Để công tác giải quyết án hình sự đạt hiệu quả cao, các bản án đều tuyên đúng người, đúng tội thì đòi hỏi người Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân vừa giỏi về chuyên môn, tốt về đạo đức nghề nghiệp. Có năng lực chuyên môn vững vàng cùng với ý thức tuân thủ pháp luật, cũng như gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật, có trách nhiệm với công việc, với những quyết định, phán xét của mình thì mới đảm bảo vụ án được giải quyết đúng đắn. Tuy nhiên, hiện nay cũng có một số ít cán bộ, công chức khi giải quyết vụ án đã không quyết đoán tìm ra sự thực cho đến cùng mà bàng quan, thiếu trách nhiệm dẫn đến vụ án bị oan sai, xử không đúng người đúng tội, một số ít còn mang tình cảm cá nhân vào công việc, vì lợi ích cá nhân mà làm sai lệch phần nào vụ án.

Kết luận Chương 2

Từ việc nghiên cứu thực tiễn QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội tại địa bàn thành phố Đà Nẵng, tác giả đã tìm hiểu những vụ án thực tế và đưa ra được những sai sót, tồn tại. Qua đó, cũng chỉ ra nguyên nhân của những hạn

ché, tồn tại trên và chủ yếu tập trung nghiên cứu về những bất cập của quy định pháp luật về QĐHP nói chung và QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội nói riêng làm cơ sở để đề ra những giải pháp khắc phục và nâng cao hiệu quả khi QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội.

CHƯƠNG 3

YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐÚNG TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI

3.1. Các yêu cầu đối với quyết định hình phạt đúng trong trường hợp phạm nhiều tội

Quyết định hình phạt đúng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội đồng thời bảo vệ một cách vững chắc các quyền và tự do của công dân trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền, góp phần nâng cao hiệu quả của pháp luật, pháp chế của nhà nước cũng như uy tín của Tòa án và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Trong những năm qua, cùng với sự lớn mạnh của nền kinh tế thị trường thì tình hình tội phạm cũng tăng lên không ngừng, tính chất và mức độ ngày một phức tạp và nguy hiểm hơn, đặc biệt là đối với trường hợp phạm nhiều tội. Trước tình hình đó thì hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt trong trường hợp này càng phải chắc chắn, đúng pháp luật, điều này đòi hỏi cả hoạt động nghiên cứu pháp luật hình sự, ban hành pháp luật hình sự, áp dụng và thi hành pháp luật hình sự phải được thực hiện đồng bộ, có tính hệ thống và đảm bảo được khả năng thực thi cũng như đạt được hiệu quả, không loại trừ các quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

Các quy định của BLHS liên quan trực tiếp đến quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội cần phải hoàn thiện, cần có những quy định cụ thể, giải thích chính thức cũng như hướng dẫn áp dụng luật cần thiết, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để Tòa án quyết định hình phạt đúng pháp luật, công bằng, đảm bảo đạt được mục đích và hiệu quả của hình phạt. Điều này xuất phát từ các yêu cầu khác nhau.

- Một là, quyết định hình phạt phải bảo đảm yêu cầu bảo vệ quyền con

người theo tinh thần Hiến pháp 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Xã hội ngày một hiện đại, đời sống người dân ngày càng được nâng cao thì sự tôn trọng và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân cũng ngày càng được chú trọng. Trong đó, Nhà nước pháp quyền là một trong những tổ chức quyền lực ghi nhận và hiện thực hóa việc bảo vệ quyền con người đó. Tuy nhiên với tình hình hiện nay, các quy phạm pháp luật chưa bao quát hết các quan hệ xã hội cần được bảo vệ, chưa cập nhật kịp thời các hành vi vi phạm có tính chất phổ biến, nguy hiểm cao cho xã hội, quy định còn tồn tại dưới dạng những văn bản rời rạc, thiếu sự thống nhất, chưa đồng bộ và còn mang tính chung chung trong khi thực tế những trường hợp phạm nhiều tội lại diễn ra với những tình tiết hết sức phức tạp. Chính điều này khiến cho việc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội còn gặp nhiều khó khăn.

- Hai là, quyết định hình phạt phải bảo đảm yêu cầu cải cách tư pháp và nâng cao hiệu quả của hoạt động tư pháp hình sự.

Tư pháp là nhánh quyền lực quan trọng trong hệ thống tổ chức quyền lực nhà nước. Tư pháp là lĩnh vực hoạt động nhằm đảm bảo nền an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo quyền tự do của con người, do đó vấn đề cải cách tư pháp luôn là ưu tiên hàng đầu và là một yêu cầu hết sức quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước hiện nay. Do đó Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến việc cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng của hoạt động tư pháp, đáp ứng tốt yêu cầu của việc đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình mới. Đặc biệt, góp phần thực hiện “*chính sách hình sự hướng thiện, coi trọng tính phòng ngừa*” của Cải cách tư pháp, cụ thể là Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “*Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới*”, Nghị

quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị "*Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*", Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ chính trị "*Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*".

- Ba là, quyết định hình phạt phải đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường trong điều kiện hội nhập quốc tế, trong những năm gần đây tình hình tội phạm cũng không ngừng gia tăng và có xu hướng phức tạp, tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm ngày càng cao, các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt đã gây không ít hoang mang trong đời sống nhân dân, nhất là trường hợp phạm nhiều tội.

Trước tình hình đó, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm cũng đã đạt được kết quả cao, quá trình áp dụng pháp luật của các cơ quan tư pháp đều đã đạt hiệu quả nhất định, đảm bảo giải quyết vụ án được chính xác, xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh oan sai. Tuy nhiên, để công tác này đạt hiệu quả cao hơn nữa thì đòi hỏi mỗi cán bộ tiến hành tố tụng phải nhận thức sâu sắc và tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, giải quyết đúng đắn vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, đáp ứng yêu cầu chung của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Bốn là, quyết định hình phạt phải bảo đảm yêu cầu khắc phục những yếu kém của việc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

Chất lượng của hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội về cơ bản được đảm bảo. Tuy vậy, trong quá trình xét xử, Tòa án các cấp chưa làm tốt công tác phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng. Tại phiên Tòa, vai trò của Hội thẩm vẫn còn có những hạn chế

nhất định, nhận thức pháp luật và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Thẩm phán, Hội thẩm chưa đáp ứng được yêu cầu.

3.2. Các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng trong trường hợp phạm nhiều tội

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật hình sự về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Hiệu quả của hoạt động quyết định hình phạt phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng trước hết nó phụ thuộc vào việc xây dựng các quy phạm pháp luật hình sự. Sau hơn 14 năm thi hành, Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã có những tác động tích cực đối với công tác phòng, chống tội phạm, bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Tuy nhiên sau 14 năm thi hành, BLHS cũng bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế đòi hỏi sự sửa đổi, bổ sung cơ bản và toàn diện. Sự ra đời của bộ luật hình sự năm 2015 đánh dấu một tiến quan trọng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả.

Trong số những nội dung sửa đổi, bổ sung của bộ luật hình sự năm 2015, Chương quyết định hình phạt được tách thành hai mục là quy định về quyết định hình phạt và quyết định hình phạt trong các trường hợp cụ thể. Trong chương sửa đổi, bổ sung các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sửa đổi quy định về việc quyết định hình phạt trong một số trường hợp cụ thể, như quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Bộ luật hình sự năm 2015 cũng đã có những sửa đổi, bổ sung về quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội. Tuy vậy vẫn cần có những sửa bổ, bổ sung nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự về căn cứ pháp lý của hoạt động quyết định hình phạt và quyết định hình phạt trong

trường hợp phạm nhiều tội. Mức độ hoàn thiện của các quy định pháp luật càng cao thì càng tạo khả năng cho hoạt động quyết định hình phạt trong thực tiễn đạt được hiệu quả tương xứng.

- Hoàn thiện quy định về căn cứ quyết định hình phạt

Bộ luật hình sự năm 2015 đã bổ sung trường hợp khi quyết định hình phạt tiền, ngoài căn cứ vào quy định của bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự thì Tòa án căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội.

Tuy đã được sửa đổi, bổ sung nhưng thực tiễn áp dụng căn cứ quyết định hình phạt cũng đã cho thấy Tòa án vẫn còn những sai sót trong việc cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Bên cạnh những nguyên nhân chủ quan, sai sót trong việc cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội còn có nguyên nhân khách quan là do BLHS chưa quy định tiêu chí cụ thể cho việc đánh giá. Theo đó, BLHS nên quy định những tiêu chí cụ thể nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Những tiêu chí đó bao gồm:

- Phương pháp, thủ đoạn phạm tội; công cụ, phương tiện phạm tội; hoàn cảnh phạm tội là những yếu tố phục vụ trực tiếp việc thực hiện tội phạm nên chúng có giá trị phản ánh cụ thể mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Các yếu tố này càng nguy hiểm, hiệu quả của việc sử dụng chúng để thực hiện hành vi phạm tội càng cao, càng làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội (thể hiện ở khả năng gây ra hoặc đe dọa gây ra những hậu quả lớn cho xã hội).

- Mức độ của thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra hoặc đe dọa gây ra cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Thiệt hại hoặc những ảnh hưởng

tiêu cực cho xã hội do hành vi phạm tội gây ra hoặc đe dọa gây ra càng lớn thì mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội càng cao.

- Mức độ lỗi và tính chất của động cơ phạm tội: Mức độ lỗi phản ánh mức độ quyết tâm thực hiện tội phạm của người phạm tội. Vì vậy, mức độ quyết tâm càng cao thì mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội càng lớn. Động cơ phạm tội là yếu tố, là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội. Động cơ phạm tội sẽ thúc đẩy mức độ quyết tâm thực hiện tội phạm của người phạm tội. Vì vậy, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội sẽ phụ thuộc vào tính chất của động cơ phạm tội.

Ngoài ra việc quy định cụ thể danh mục các tình tiết giảm nhẹ TNHS và các tình tiết tăng nặng TNHS trong BLHS năm 1999 (Điều 46 và Điều 48) qua thực tiễn lại cho thấy sai sót chủ yếu và có tính phổ biến của quyết định hình phạt lại chính là do áp dụng không đúng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS với tính chất là một căn cứ quyết định hình phạt độc lập. Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS là những tình tiết có ảnh hưởng và cụ thể hoá theo hướng giảm hoặc tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đồng thời chúng cũng phản ánh khả năng giáo dục, cải tạo và hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội.

Hiện nay, cách quy định như Điều 46, Điều 48 BLHS năm 1999 mới chỉ nêu khái quát tên của các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS đã gây ra không ít khó khăn trong việc áp dụng các tình tiết này. Mặc dù Bộ luật hình sự năm 2015 cũng đã có sửa đổi, bổ sung nhưng cách quy định đó cũng tạo ra kẽ hở để những người có thẩm quyền áp dụng có thể tùy tiện lạm dụng khi quyết định hình phạt. Vì vậy, luật cần mô tả cụ thể về mỗi tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS .

- *Đưa khái niệm phạm nhiều tội vào quy định trong Bộ luật hình sự.* Về mặt xây dựng và hoàn thiện pháp luật, khái niệm về phạm nhiều tội như sau:

Điều Những trường hợp sau đây được coi là phạm nhiều tội

"Phạm nhiều tội là khi hành vi phạm tội thuộc một trong hai trường hợp sau đây và người phạm tội chưa bị xét xử về tội nào trong số các tội đã phạm:

1. Phạm nhiều tội là phạm tội trong trường hợp hành vi của người phạm tội có đầy đủ các dấu hiệu của hai tội phạm trở lên mà những tội ấy được quy định tại các điều khác nhau hoặc các khoản khác nhau trong cùng một điều luật của BLHS.

2. Trong cùng một hành vi có các dấu hiệu từ hai tội trở lên và những tội đó được quy định tại các điều khác nhau hoặc các khoản khác nhau của một điều luật trong BLHS" [11, tr.93-94].

- Hoàn thiện Điều 50 Bộ luật hình sự

+ Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 50 để đảm bảo sự thống nhất của BLHS, phù hợp với khái niệm về phạm nhiều tội, thể hiện được các nguyên tắc quyết định hình phạt như nhân đạo, cá thể hoá hình phạt... cũng như đạt được hiệu quả xã hội của hình phạt. Vấn đề là không phải xử phạt thật nặng thì tội phạm sẽ giảm, thực tế tội phạm về ma túy hay giết người ở nước ta ngày càng tăng mặc dù nước ta vẫn đặt hình phạt tử hình đối với những tội đó. Nói như vậy để thấy phòng ngừa trên hết vẫn phải bằng hình thức giáo dục, tuyên truyền, do đó:

Thứ nhất, nên chăng thay cho việc cộng toàn bộ các hình phạt cùng loại, nên áp dụng các nguyên tắc cộng toàn bộ, cộng một phần hoặc thu hút hình phạt. Thực tế có nhiều dạng phạm nhiều tội nên đối với trường hợp thực hiện nhiều hành vi phạm tội cấu thành các tội phạm khác nhau thì cộng toàn bộ; trường hợp thủ đoạn phạm tội cấu thành một tội độc lập thì thực hiện cộng một phần; trường hợp một hành vi cấu thành nhiều tội thì thực hiện việc thu hút hình phạt nhẹ hơn vào tội nặng nhất. Nguyên tắc này cũng đã được thực hiện trong pháp luật hình sự nước ta trước đây.

Thứ hai, nên giới hạn hình phạt tù tối đa khi tổng hợp hình phạt là 20 năm. Bởi vì, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, đối với người phạm tội, nếu là áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì giới hạn 20 năm đã là quá dài để cải tạo, giáo dục người phạm tội, khuyến khích người phạm tội cải tạo, giáo dục. Nếu cần nghiêm khắc hơn thì áp dụng hình phạt tù chung thân. Điều này cũng thống nhất với mức tối đa khi tổng hợp hình phạt đối với cải tạo không giam giữ và đối với các hình phạt bổ sung.

+ Sửa điểm e khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự đối với hình phạt trục xuất. Theo quy định thì hình phạt trục xuất không tổng hợp với các hình phạt khác. Việc đưa ra quy định trên sẽ không hợp lý và tính khả thi trong trường hợp người phạm tội bị Tòa án xử phạt buộc phải chấp hành hai hình phạt chính của hai tội là hình phạt trục xuất và hình phạt tử hình... Trong thực tế, việc một người phải chấp hành hình phạt trục xuất có thể lại phạm tội mới hoặc bị xét xử về tội đã được thực hiện trước khi có bản án này và hình phạt có thể bị tuyên là tử hình.

Như vậy, việc buộc người bị kết án phải chấp hành cả hai hình phạt này là không thể xảy ra, vì khi một người đã bị tử hình rồi thì không thể thi hành hình phạt trục xuất, hay nếu đã thi hành hình phạt trục xuất rồi thì hình phạt tử hình không mang tính chất khả thi.

+ Bên cạnh đó cũng tại điểm b khoản 2 Điều 50 BLHS quy định về tổng hợp hình phạt bổ sung thì: "*Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên*". Theo quy định này đặt trong trường hợp một người phạm nhiều tội có tội bị tuyên hình phạt quản chế, có tội bị tuyên hình phạt cấm cư trú thì buộc họ phải chấp hành cùng lúc hai hình phạt này. Do đó, nếu ngay khi chấp hành xong hình phạt chính từ tổng hợp của các tội thì người bị kết án buộc phải chấp hành đồng thời hai hình phạt trên. Nhưng trong BLHS không có điều luật quy định phải chấp

hành hình phạt nào trước. Điều này đã thể hiện sự chưa hợp lý.

Theo quy định tại Điều 37, Điều 38 BLHS thì bản chất của hai hình phạt này là như nhau. Người bị quản chế chỉ được cư trú, làm ăn và sinh sống tại một địa phương nhất định theo quy định, chỉ được cư trú và đi lại trong phạm vi hạn hẹp. Còn người bị cấm cư trú chỉ không được cư trú ở một số địa phương nhất định, nên ngoài những địa phương bị cấm cư trú, người bị cấm cư trú vẫn có quyền cư trú, đi lại và làm ăn ở tất cả các địa phương khác. Theo quy định tại hai điều thì thấy người bị cấm cư trú làm ăn và đi lại ở tất cả các địa phương khác, người bị cấm cư trú không bị tước một số quyền công dân và cấm hành nghề nhưng người bị quản chế thì ngược lại.

Xét thấy người bị kết án khi phải chấp hành hình phạt quản chế thì người này phải cư trú, làm ăn, sinh sống ở một địa phương nhất định nên sẽ không cư trú ở các địa phương khác, trong đó có địa phương bị cấm cư trú. Như vậy nếu trong trường hợp phải chấp hành đồng thời hai hình phạt này thì chỉ cần quy định buộc người bị kết án chấp hành hình phạt quản chế là đã đạt được mục đích chung của hai hình phạt nói trên.

- Hoàn thiện quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội

Trên thực tế có nhiều trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội tuy nhiên các quy định của BLHS mới chỉ dừng ở tổng hợp hình phạt tù chứ chưa đề cập đến loại hình phạt khác. Đây là một điểm bất cập, người chưa thành niên là một đối tượng đặc biệt của pháp luật hình sự, không thể áp dụng các quy định về các loại hình phạt khác của người đã thành niên cho người chưa thành niên được.

Đối với trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội cũng có những điểm cần chú ý. Theo quy định của BLHS hiện hành, quyết định hình phạt trong trường hợp có tội được thực hiện khi người phạm tội chưa thành

niên, có tội được thực hiện khi người đó đã thành niên, hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74. Như vậy, mức hình phạt cao nhất quy định tại điều luật này được áp dụng đối với cả trường hợp người chưa thành niên phạm một tội và người chưa thành niên phạm nhiều tội, quy định này thể hiện rõ nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 75 có sự bất hợp lý trong trường hợp có tội nặng nhất được thực hiện khi người phạm tội chưa đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đã đủ 18 tuổi mà hình phạt đối với tội hoặc hình phạt tổng hợp của các tội được thực hiện khi người phạm tội đã thành niên cao hơn mức hình phạt tối đa theo quy định của Điều 74 như đã phân tích ở trên. Theo quy định của Điều 75 BLHS việc quy định hình phạt với người chưa thành niên phạm tội chỉ dừng lại ở việc quy định là tù giam mà chưa đề cập đến các trường hợp hình phạt khác. Ngay tại Điều 74 quy định về hình phạt với trường hợp phạm một tội cũng chưa đề cập đến vấn đề này, do đó cần có sự sửa đổi, bổ sung việc tổng hợp với loại hình phạt khác. Trường hợp này có thể áp dụng cộng theo nguyên tắc cộng hình phạt như với trường hợp người đã thành niên phạm tội nhưng lấy theo tỷ lệ thấp hơn, có thể là 3/4 hoặc 2/3 so với trường hợp người đã thành niên phạm nhiều tội.

Mặc dù Điều 103 BLHS 2015 đã sửa đổi quy định rõ ràng hơn, khắc phục được bất cập trên, khoản 1 quy định cụ thể mức hình phạt tối đa khi tổng hợp đối với người chưa thành niên phạm nhiều tội. Theo đó, đối với tù có thời hạn thì chia ra theo độ tuổi, độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 thì mức hình phạt tối đa khi tổng hợp không quá 12 năm và người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì tối đa là 18 năm. Khoản 2 và 3 Điều 103 BLHS 2015 đã bổ sung đầy đủ trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều tội phạm khi chưa đủ 18 tuổi (trường hợp các tội được thực hiện khi người đó đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi và trường hợp phạm tội khi người đó đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi).

Điều 103 BLHS 2015 có quy định thêm tổng hợp hình phạt đối với hình phạt cải tạo không giam giữ nhưng vẫn còn thiếu hình phạt tiền trong trường hợp người phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thu nhập hoặc có tài sản riêng nên cần bổ sung thêm trường hợp tổng hợp hình phạt tiền .

Bên cạnh đó Bộ luật hình sự hiện hành cũng chưa có các quy định rõ ràng về trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội liên quan đến các giai đoạn phạm tội. Trường hợp có tội chưa hoàn thành, hoặc có tội đã hoàn thành hoặc tất cả đều chưa hoàn thành. Đây cũng là thiếu sót của pháp luật hiện hành, mặc dù bộ luật hình sự 2015 đã bổ sung thêm trường hợp phạm nhiều tội khi trong độ tuổi chưa thành niên nhưng vẫn chưa bổ sung trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội liên quan đến các giai đoạn phạm tội. Theo ý kiến của cá nhân tôi nên bổ sung quy định về trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội liên quan đến các giai đoạn phạm tội vào Điều 75 BLHS.

3.2.2. Tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật

Ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật từ các cơ quan có thẩm quyền. Các văn bản dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành BLHS để tập trung hướng dẫn các quy định còn vướng mắc, bất cập và những nhận thức pháp luật khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng nhằm đảm bảo tính thống nhất của pháp luật hình sự, nâng cao tính minh bạch, khả thi của pháp luật.

Tập trung vào những hướng dẫn chủ yếu sau:

- Hướng dẫn của các cơ quan liên ngành như Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ công an, Bộ Tư pháp, các cơ quan liên quan... Các hướng dẫn liên tịch, liên ngành có giá trị áp dụng cao trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự, quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, giúp cho các cơ quan, người tiến hành tố tụng có một nhận thức đầy

đủ, thống nhất về các quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như hướng dẫn áp dụng các quy định của BLHS, quy định của BLTTHS, bao gồm hướng dẫn quyết định hình phạt đối với bị cáo phạm nhiều tội.

3.2.3. Tăng cường tổng kết thực tiễn xét xử, ban hành án lệ

Thường xuyên tiến hành công tác sơ kết, tổng kết thực tiễn xét xử và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong công tác xét xử; Sửa đổi, bổ sung những quy định của pháp luật hoặc của ngành, của đơn vị không phù hợp với thực tiễn công tác giải quyết, xét xử vụ án, giải quyết yêu cầu giám đốc thẩm, tái thẩm, giải quyết khiếu nại tố cáo về quyết định, hành vi tố tụng; Thông qua công tác sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ giúp cho cán bộ Tòa án, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân là những người trực tiếp quyết định hình phạt nắm chắc các quy định của pháp luật, những vướng mắc bất cập, kinh nghiệm xét xử các vụ án liên quan đến quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Đối với những trường hợp bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng khi phát hiện có sai lầm, bị kết án oan sai đã hết thời hiệu kháng nghị giám đốc thẩm cần được phát hiện, mạnh dạn đề xuất để tập trung nghiên cứu, xây dựng đề án cụ thể trình lãnh đạo ngành, lãnh đạo đơn vị, Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc Quốc hội xem xét, quyết định.

Trên cơ sở tổng kết công tác thực tiễn xét xử, Tòa án nhân dân tối cao cần nghiên cứu và triển khai phát triển án lệ làm căn cứ cho các Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân áp dụng trong xét xử, đảm bảo việc áp dụng thống nhất pháp luật.

3.2.4. Nâng cao năng lực của cán bộ xét xử

Yếu tố con người luôn là một trong những yếu tố quan trọng trong bất cứ

một hoạt động nào. Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là một khâu quan trọng trong hoạt động xét xử của Tòa án. Việc quyết định hình phạt đúng, phù hợp, đảm bảo công bằng, hợp tình, hợp lý có ý nghĩa xã hội rất lớn. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động tổ tụng của Hội đồng xét xử - Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, những người trực tiếp định tội danh và quyết định hình phạt. Để có được đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân vừa có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có tâm huyết với nghề thì:

- Cần xây dựng các yêu cầu chung để tăng cường trách nhiệm nghề nghiệp của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân bằng việc soạn thảo và ban hành quy định các tiêu chí chung về trình độ chuyên môn, năng lực công tác, kiến thức pháp luật và phẩm chất đạo đức.

- Nâng cao ý thức pháp luật và niềm tin nội tâm của đội ngũ những người làm công tác xét xử - Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân trong quá trình xét xử và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân. Tổ chức hội thảo, tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu để phân tích những sai sót và rút kinh nghiệm chung, từ đó nâng cao chất lượng xét xử.

- Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất nghề nghiệp, năng lực công tác của Thẩm phán với tư cách là người bảo vệ công lý. Thẩm phán là nhân vật trung tâm, quyết định việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Tòa án - công tác xét xử. Năng lực đội ngũ Thẩm phán là một trong những yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả hoạt động xét xử của Tòa án và thực trạng quyết định hình phạt trong giai đoạn hiện nay. Để nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt trong giai đoạn hiện này, trước hết chúng ta phải quan tâm đến đội ngũ Thẩm phán và năng lực hoạt động của họ. Quy định các yêu

cầu đối với Thẩm phán khi thực hiện vai trò của mình thì chỉ tuân theo Hiến pháp và pháp luật, các quy phạm đạo đức được thừa nhận chung và quy tắc hành xử để mọi người dân tin vào công lý, khẳng định sự khách quan và độc lập của mình trong hoạt động xét xử của Tòa án; phải có đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao; Không được làm tổn hại đến uy tín nghề nghiệp hoặc thanh danh của mình vì vụ lợi cá nhân; Phải tránh tất cả những gì có thể làm suy giảm uy tín của quyền tư pháp; Không ngừng tự hoàn thiện mình để nâng cao trình độ chuyên môn và kiến thức pháp luật nhằm phục vụ tốt cho hoạt động nghề nghiệp của bản thân; Phải biết kiềm chế, lịch sự, tôn trọng và hòa nhã khi xét xử hoặc khi thừa hành công vụ; Phải giữ bí mật nghề nghiệp đối với các thông tin biết được trong quá trình thừa hành công vụ.

- Tăng cường việc đào tạo, đào tạo lại nghiệp vụ cho cán bộ, Thẩm phán và Hội thẩm. Các đơn vị chức năng của Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với Tòa án nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thuộc quyền quản lý; Cần xây dựng đội ngũ Thẩm phán chuyên sâu, chuyên xét xử về một loại tội nào đó. Ví dụ: Có Thẩm phán chuyên xét xử đối với tội phạm vị thành niên, có Thẩm phán chuyên xét xử về tội phạm sở hữu... Việc xét xử chuyên sâu như vậy sẽ làm cho Thẩm phán thông qua hoạt động xét xử của mình tích lũy được kinh nghiệm trong xét xử để từ đó việc giải quyết vụ án một cách triệt để; Tạo điều kiện thuận lợi và động viên, khuyến khích cán bộ, công chức tự học tập nâng cao năng lực trình độ, cử cán bộ, Thẩm phán đi học tập ở nước ngoài nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay.

3.2.5. Các giải pháp khác

Một là, trong công tác tổ chức cán bộ cần tăng cường hơn nữa công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án có ý thức tổ chức kỷ luật, có

phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng; Có lộ trình từng bước đảm bảo đủ về số lượng cán bộ, Thẩm phán. Xây dựng phương án tạo nguồn cán bộ, Thẩm phán cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa. Làm tốt công tác đào tạo nghiệp vụ xét xử để tạo nguồn bổ nhiệm Thẩm phán. Thực hiện tốt việc luân chuyển, điều động cán bộ trong hệ thống Tòa án.

Khắc phục việc chậm chễ trong việc bổ nhiệm lại Thẩm phán khi hết nhiệm kỳ; Quy định cụ thể, hợp lý hơn về tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán khi đánh giá, kiểm điểm, xem xét tái bổ nhiệm Thẩm phán.

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức; Phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng địa phương trong công tác quản lý cán bộ; Khen thưởng kịp thời, xứng đáng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác; Xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi lợi dụng nghề nghiệp, chức vụ, quyền hạn để tham nhũng, lãng phí.

Coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua *"Phụng công, thủ pháp, chí công vô tư"* với phương châm *"Gần dân, giúp dân, hiểu dân, học dân"* gắn với việc thực hiện *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* trong toàn hệ thống Tòa án nhân dân. Tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về *"Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức ngành Tòa án nhân dân"*.

Hai là, đảm bảo thực hiện đầy đủ các cơ chế thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao vào công tác trong ngành Tòa án.

Ba là, tăng cường hơn nữa trách nhiệm và sự quan tâm của Nhà nước, xã hội đối với những người làm công tác đấu tranh phòng chống tội phạm bằng việc soạn thảo và ban hành Luật nhằm điều chỉnh, quy định những vấn đề liên quan đến việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe và tài sản của những người làm

công tác xét xử nói riêng và hoạt động tư pháp nói chung khi bị đe dọa, xâm phạm do thực hiện chức năng nghề nghiệp của họ. Cần có chế độ chính sách về tiền lương, phụ cấp và các ưu đãi khác đối với Thẩm phán và cán bộ, công chức Tòa án cho phù hợp với đặc thù công tác của ngành để xây dựng một đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm trong sạch, liêm khiết, có tâm với nghề góp phần đảm bảo vụ án được xét xử công minh, hình phạt được quyết định chính xác.

Bốn là, Hội thẩm nhân dân đã góp phần quan trọng trong việc hoàn thành nhiệm vụ xét xử của Tòa án. Tuy nhiên, cũng còn những vấn đề tồn tại, chưa được quan tâm đúng mức, cần đổi mới quy định tiêu chuẩn tuyển chọn Hội thẩm nhân dân. Tiêu chuẩn của Hội thẩm nhân dân phải được quy định rõ ràng về tiêu chuẩn đạo đức, trình độ pháp luật và trình độ nghiệp vụ. Cần hoàn thiện các quy định của pháp luật về Hội thẩm nhân dân, thể chế hóa một một cách tương xứng giữa quyền và nghĩa vụ của Hội thẩm, nâng cao trách nhiệm của Hội thẩm đối với các quyết định pháp lý của mình. Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi chính sách, chế độ bồi dưỡng cho Hội thẩm nhân dân cũng như Thẩm phán phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và tình hình kinh tế thị trường. Hoàn thiện các quy định về tổ chức, quản lý hội thẩm. Chánh án Tòa án địa phương quản lý Hội thẩm, phân công Hội thẩm xét xử phải hợp lý, khoa học đảm bảo sự phù hợp và đồng đều.

Năm là, có giải pháp về theo dõi việc xử lý các vụ việc có liên quan đến trường hợp phạm nhiều tội. Cần xây dựng hệ thống thu thập số liệu, thống kê để giúp các cơ quan xây dựng pháp luật và chính sách cập nhật về các xu hướng và loại hình tội phạm, kết quả công tác của cơ quan tư pháp, tình hình quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội để từ đó có biện pháp, phương pháp xác định nhằm ngăn chặn và xử lý.

Hàng năm, các cơ quan tiến hành tố tụng như Công an, Viện kiểm sát, Tòa án đều có thống kê của ngành mình và thống kê liên ngành. Tuy nhiên, tại các mẫu thống kê đã không phản ánh được tất cả số người phạm tội cùng

số vụ, tội danh và số hành vi phạm tội mà người đó bị tuyên phạt.

Như theo Mẫu thống kê án hình sự (mẫu 1A) của ngành Tòa án trong vụ án có nhiều bị cáo phạm nhiều tội, khi thống kê theo mẫu thì chỉ tính bị cáo bị truy tố tội danh cao nhất, chứ không tính tội danh thứ hai và không tính các bị cáo khác còn lại phạm tội gì và phạm bao nhiêu tội. Điều này rất khó đánh giá hiệu quả hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt nói riêng.

Hiện nay, các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn chưa có hệ thống thống kê chung, tiêu chí thống kê giữa các cơ quan này lại chưa thống nhất, nằm rải rác trong những biểu mẫu thống kê hình sự, thậm chí có cả thống kê kết quả công tác.

Đối với thống kê liên quan đến phạm nhiều tội, như đã nêu ở trên rất hạn hẹp và chỉ có ở giai đoạn sơ thẩm. Đồng thời các tiêu chí thống kê còn đơn giản chưa đầy đủ, chưa có số liệu thống kê về việc áp dụng các loại hình phạt, các biện pháp tư pháp, việc áp dụng miễn hình phạt v.v...

Vậy, kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ công an và các cơ quan khác có liên quan sớm xây dựng hệ thống thống kê tư pháp nói chung và đối với trường hợp phạm nhiều tội nói riêng theo những tiêu chí, biểu mẫu thống nhất để sử dụng thống nhất trong các ngành trên phạm vi toàn quốc.

Sáu là, đảm bảo sự phối hợp tương hỗ, qua lại, bổ sung và hỗ trợ cho nhau trong hoạt động của hệ thống Tòa án và hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật nhằm mục đích tăng cường hiệu quả của hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt bằng việc điều chỉnh mối quan hệ trong hoạt động thực tiễn của hệ thống các cơ quan này.

Kết luận Chương 3

Dựa trên thực tiễn áp dụng QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội tại TAND hai cấp thành phố Đà Nẵng như đã phân tích ở Chương 2, tác giả đã

đưa ra các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng trong trường hợp phạm nhiều tội. Những giải pháp này không chỉ hoàn thiện pháp luật hình sự đối với những quy định liên quan trực tiếp mà trong đó còn có cả những quy định liên quan gián tiếp đến việc áp dụng quy định của BLHS về QĐHP nói chung và QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội và cả các giải pháp về hoàn thiện kỹ thuật lập pháp hình sự, các giải pháp về tổ chức thực hiện để nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn phát triển đất nước hiện nay, công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và phạm nhiều tội nói riêng là vấn đề phức tạp và khó khăn, là trách nhiệm của toàn thể xã hội, đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm công tác xét xử. Việc nhận thức đúng đắn bản chất pháp lý và các quy định về định tội danh, quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và thực tiễn áp dụng là vấn đề rất cần thiết. Về mặt lý luận cũng như thực tiễn của Luật hình sự thì Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là một vấn đề phức tạp và còn nhiều tranh luận.

Qua tìm hiểu về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội thì thấy, mặc dù đã được đề cập tại BLHS năm 1985, năm 1999, các văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao và các báo cáo Tổng kết công tác Tòa án hàng năm v.v... nhưng quy định của pháp luật hình sự về phạm nhiều tội vẫn còn thiếu và yếu, đến nay vẫn chưa ghi nhận định nghĩa pháp lý của chế định này trong BLHS. Vì vậy, quá trình thực hiện định tội danh và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội gặp khó khăn, lúng túng.

Qua nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội cho thấy, bên cạnh những ưu điểm đã đạt được thì quá trình giải quyết, xét xử vụ án hình sự vẫn không tránh khỏi một số thiếu sót về đánh giá chứng cứ, hoặc áp dụng khung hình phạt dẫn đến việc quyết định hình phạt sai, hoặc quá nhẹ hoặc quá nặng. Vẫn còn nhiều vụ án chưa đánh giá đúng mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên vận dụng không đúng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS dẫn đến quyết định hình phạt chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Đặc điểm tình hình tội phạm ở mỗi địa phương không giống nhau, đối với những vướng mắc chưa có hướng dẫn thì đường lối giải quyết tại mỗi địa phương không thống nhất. Chính những hạn chế nêu trên của BLHS hiện

hành về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Do đó, vấn đề đặt ra là làm sao để có hướng dẫn, giải thích, áp dụng pháp luật đầy đủ, thống nhất đối với vướng mắc phát sinh từ quá trình thực tiễn áp dụng pháp luật. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ cơ bản của khoa học Luật hình sự Việt Nam, chế định phạm nhiều tội, quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội cần được nghiên cứu một cách có hệ thống, đúng mức và cụ thể hơn để từ đó xây dựng BLHS nước nước Cộng hòa XHCN Việt nam hoàn thiện hơn.

Qua tìm hiểu về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội cũng thấy được sự hạn chế về năng lực chuyên môn của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người trực tiếp tiến hành tố tụng. Vì vậy, để nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án phạm nhiều tội thì bên cạnh phải kịp thời ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật hình sự quy định về phạm nhiều tội, cũng phải không ngừng đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn đạo đức nghề nghiệp cũng như cải tiến phương pháp làm việc của các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng.

Trong phạm vi cho phép, luận văn đã tập trung giải quyết tương đối cơ bản những vấn đề lý luận và thực tiễn QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội, hy vọng góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả của công tác quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, chế định đa (nhiều) tội phạm trong đó có chế định phạm nhiều tội là một vấn đề khó, đặc biệt phức tạp và có nhiều tranh luận về áp dụng pháp luật trong thực tế giải quyết án hình sự, do đó việc tiếp tục nghiên cứu đề tài này không chỉ có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn trong việc hoạch định và thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước trong thời gian tiếp theo, mà còn là nhiệm vụ của các nhà khoa học, những người đang làm việc trong cơ quan tư pháp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp trong thời gian tới*, Ban chấp hành trung ương Đảng, Hà Nội.
2. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Ban chấp hành trung ương Đảng, Hà Nội.
3. Bộ tư pháp (1999), *BLHS nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 1985)*, Dân chủ và pháp luật, Hà Nội.
4. Bộ tư pháp (2000), *BLHS nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 1999)*, Dân chủ và pháp luật, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (2001), “Chế định đa (nhiều) tội phạm và mô hình lý luận của nó trong Luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật* (6).
6. Lê Cẩm và Trịnh Tiến Việt (2002), “Nhân thân người phạm tội, một số vấn đề lý luận cơ bản”, *Tạp chí Tòa án nhân dân* (1).
7. Lê Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo sau đại học, những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 93-94, 397 – 398.
8. Lê Cẩm, Trịnh Quốc Toàn (2005) *Định tội danh, lý luận và hành động mẫu- 350 bài thực hành*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
9. Lê Cẩm (2009), *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
10. Trần Văn Dũng (2003), “Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội”, *Tạp chí TAND* số 10, tr.16
11. Lê Văn Đệ (1999), *Chế định phạm nhiều tội trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án thạc sỹ luật học, Hà Nội, tr. 16 - 22; 32; 35; 43.

12. Lê Văn Đệ (2003), *Chế định phạm nhiều tội trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sỹ luật học, Hà Nội, tr. 34, 39; 41; 76.
13. Lê Văn Đệ (2004), “Các hình thức biểu hiện của chế định nhiều tội phạm trong luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật* (8).
14. Lê Văn Đệ (2010), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
15. Lê Văn Đệ (2010), *Chế định nhiều tội phạm - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
16. *Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam (năm 1946; 1959; 1980, 1992, 2013)*, 2013, Nxb chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
17. Nguyễn Ngọc Hoà (1991), *Tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
18. Nguyễn Ngọc Hoà (1993), “Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (1).
19. Nguyễn Ngọc Hoà (2001), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
20. Nguyễn Ngọc Hoà (2003), “Các trường hợp phạm nhiều luật trong luật hình sự”, *Tạp chí Luật học* (1).
21. Hoàng Chí Kiên (2004), *Quyết định hình phạt trong những trường hợp đặc biệt*, Luận văn thạc sỹ luật học, Hà Nội.
22. *Luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS năm 1999* (2009), Nxb chính trị quốc gia.
23. Nguyễn Hữu Minh (1996), *Các căn cứ quyết định hình phạt*, Luận án thạc sỹ luật học, Hà Nội.
24. Dương Tuyết Miên (2000), “Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (6).
25. Dương Tuyết Miên (2003), *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sỹ luật học, Hà Nội.

26. Dương Tuyết Miên (2009), “Quyết định hình phạt với người chưa thành niên phạm tội”, *Tạp chí Luật học*, Hà Nội.
27. Điền Nguyên (1995), “Cần phân biệt phạm tội nhiều lần và phạm nhiều tội”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (5), tr.15-16.
28. Lê Thị Sơn (1995), “Một số vấn đề các giai đoạn thực hiện tội phạm”, *Tạp chí Luật học*, (6).
29. Hoàng Thị Sơn, Bùi Kiên Điện (2000), *Mô hình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
30. Đặng Thị Thanh (1998), *Quyết định hình phạt trong những trường hợp đặc biệt*, Luận án thạc sỹ, Hà Nội.
31. Đặng Thị Thanh (2000), “Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội và nguyên tắc xử lý của BLHS năm 1999”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (6).
32. Lê Xuân Thân (1996), *Các căn cứ Quyết định hình phạt theo Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Hà Nội.
33. Thông tư liên tịch số 10/TTLT ngày 31/12/1996 của Bộ nội vụ (nay là Bộ công an) – Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
34. Thông tư kiên ngành số 05/TTLN ngày 14/02/1995 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ nội vụ, Bộ tư pháp - hướng dẫn việc áp dụng pháp luật đối với hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép chất ma túy qua biên giới.
35. Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC, VKSNDTC, BCA, BTP ngày 05/07/2000 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ công an và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Điều 7 BLHS năm 1999 và mục 2 Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21/12/1999 của Quốc hội.

36. Thông tư liên tịch 02/2001/TTLT-TANDTC, VKSNDTC, BCA, BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ công an, Bộ tư pháp, hướng dẫn áp dụng các quy định tại Chương XIV “Các tội xâm phạm sở hữu” của BLHS 1999.
37. Thông tư liên tịch số 17/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao - Bộ tư pháp, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của BLHS.
38. Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC- BTP ngày 25/12/2008 của Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép pháo nổ và thuốc pháo.
39. Phạm Văn Thiệu (2007), “Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và bị đưa ra xét xử cùng một lần”, *Tạp chí Tòa án nhân dân* (24), tr.12-13.
40. Tòa án nhân dân tối cao (1964), *Báo cáo công tác ngành Tòa án của Tòa án nhân dân tối cao*, Hà Nội.
41. Tòa án nhân dân tối cao (1973), *Công văn số 612 – NCPL ngày 14/09/1973 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội*.
42. Tòa án nhân dân tối cao (1979; 1999; 2000; 2003; 2005), *Hệ thống hoá luật hình sự*, Hà Nội.
43. Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn cách tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội*, Hà Nội.

44. Tòa án nhân dân tối cao (1995), *Các văn bản về hình sự, dân sự và tố tụng*, Hà Nội.
45. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17 tháng 4 năm 2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS*, Hà Nội.
46. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 16/11/1998 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn cách tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và bị phạt tù giam*, Hà Nội.
47. Tòa án nhân dân tối cao (2012 - 2014), *Báo cáo tổng kết ngành Tòa án nhân dân từ năm 2012 đến năm 2014*, Hà Nội.
48. Trường Đại học Luật Hà Nội (1997), *Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
49. Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), “Phần chung”, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
50. Trường đại học luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
51. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
52. Trường Đại học quốc gia Hà Nội, khoa Luật (2001), “Phần chung” *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
53. Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr.99.
54. Võ Khánh Vinh (1989), "Quyết định hình phạt: Một số vấn đề chung", *Nhà nước và pháp luật*, (4).
55. Võ Khánh Vinh (1990), “Nguyên tắc cá thể hoá việc quyết định hình phạt”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (8).

56. Võ Khánh Vinh (1990), “Nghiên cứu tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm khi quyết định hình phạt”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (12).
57. Võ Khánh Vinh, Phạm Thư (1993), “Định tội danh trong trường hợp phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (5).
58. Võ Khánh Vinh và Lê Văn Đệ (1999), “Tổng hợp thực tế về phạm nhiều tội, một hình thức biểu hiện của chế định phạm nhiều tội”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (12) tr.19.
59. Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Trung tâm đào tạo từ xa Đại học Huế.
60. Vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ tư pháp (1997), *Một số vấn đề về phổ biến, giáo dục pháp luật*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.